



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 28/2026
Từ 20/7 - 24/7/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

KẾT LUẬN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẠI HỘI NGHỊ THƯỜNG TRỰC CHÍNH PHỦ VỚI CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP

Văn phòng Chính phủ vừa ban hành Thông báo số 394/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị Thường trực Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp với chủ đề “Tháo gỡ điểm nghẽn - Khơi thông nguồn lực - Thúc đẩy tăng trưởng”.



Thủ tướng chủ trì Hội nghị Thường trực Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp ngày 18/7.

Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Doanh nghiệp, doanh nhân đóng góp 60% GDP

Thông báo nêu: Thời gian qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp; Bộ Chính trị đã ban hành đồng bộ các Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước và số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đây là những định hướng chiến lược quan trọng, tạo động lực thúc đẩy cả ba khu vực doanh nghiệp (nhà nước, tư nhân và FDI) phát triển mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả tích cực, đóng góp ngày càng lớn cho tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Lũy kế đến hết tháng 6 năm 2026, cả nước có trên 01 triệu doanh nghiệp đang hoạt động với tổng quy mô vốn đăng ký đạt trên 30 triệu tỷ đồng, đóng góp hơn 60% GDP, thu hút trên 17,6 triệu lao động, đóng góp 55% tổng thu ngân sách nhà nước, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Những kết quả này là nền tảng quan trọng, tuy nhiên, để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số, cần có những giải pháp đột phá mạnh mẽ hơn, nhất là phát huy vai trò tiên phong, dẫn dắt của các doanh nghiệp, qua đó tạo động lực tăng trưởng mới, nâng cao năng suất, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: (1) Đối với doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa tương xứng với tiềm năng, tiến độ đầu tư còn chậm, liên kết với doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn hạn chế; (2) Doanh nghiệp tư nhân chủ yếu nhỏ và vừa, năng lực vốn, quản trị, công nghệ và tham gia chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu còn hạn chế; (3) Đối với doanh nghiệp FDI, liên kết nội địa lỏng lẻo, chuyển giao công nghệ và nội địa hóa chưa cao; (4) Môi trường đầu tư, kinh doanh vẫn còn nhiều rào cản; một số quy định pháp luật còn chồng chéo, bất cập, trong khi khâu tổ chức thực hiện ở một số Bộ, ngành, địa phương chưa thực sự hiệu quả; thị trường vốn, lao động, khoa học, công nghệ phát triển chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển của doanh nghiệp; (5) Một bộ phận doanh nghiệp chưa chủ động tham gia góp ý, phản biện để hoàn thiện thể chế, chính sách; ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm xã hội và chuẩn mực quản trị doanh nghiệp còn hạn chế.

Mọi chính sách phải hướng tới tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, ổn định

Quan điểm của Thủ tướng Chính phủ là xác định phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh là yêu cầu có ý nghĩa chiến lược quốc gia. Mọi chủ trương, chính sách phải hướng tới tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, ổn định, minh bạch; bảo đảm quyền tự do kinh doanh và tiếp cận bình đẳng các nguồn lực; khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Tinh thần cốt lõi của Hội nghị là chuyển mạnh từ nhận diện, tháo gỡ khó khăn sang hoàn thiện nền tảng kiến tạo phát triển; từ đối thoại sang hành động quyết liệt; từ cam kết sang kết quả thực chất, cụ thể, có địa chỉ, có thời hạn - tất cả hướng tới hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số bền vững.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị các Bộ, ngành, địa phương hành động với tinh thần “khẩn trương - quyết liệt - hiệu quả - không né tránh - không đùn đẩy”. Kết quả cuối cùng phải được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cụ thể thông qua giảm thời gian, chi phí tuân thủ và trên hết là tăng cường lòng tin của doanh nghiệp vào môi trường kinh doanh, thể chế kiến tạo và đóng góp trực tiếp, thiết thực vào mục tiêu tăng trưởng hai con số.

Để hiện thực, cụ thể hóa quan điểm nêu trên, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các đồng chí Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Lãnh đạo doanh nghiệp tập trung thực hiện quyết liệt các nhóm nhiệm vụ sau:

Đối với Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương:

(1) Tiếp tục tập trung xây dựng hoàn thiện thể chế làm nền tảng cho kiến tạo phát triển, cải cách thực chất, mạnh mẽ hơn nữa thủ tục hành chính

Tiếp tục chú trọng, coi hoàn thiện thể chế là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, nền tảng cho kiến tạo phát triển thời gian tới. Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác xây dựng pháp luật. Các Bộ, cơ quan liên quan cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Khẩn trương hoàn thiện các dự án luật, trình Quốc hội tại các kỳ họp trong năm 2026, đặc biệt là Bộ luật Hình sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Phòng chống rửa tiền và Luật các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi), Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Phát triển đô thị; các luật về thuế (sửa đổi), Luật Điện lực, Luật Dầu khí, Luật Đấu thầu, Luật Đấu giá...

Chú trọng tính đồng bộ, khả thi và ổn định của hệ thống pháp luật trong quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế và lưu ý một số nội dung sau:

- Trong quá trình xây dựng các dự án luật, cần đồng thời thực hiện nghiêm túc việc xây dựng các dự thảo văn bản hướng dẫn thi hành, lấy ý kiến rộng rãi, bảo đảm khi luật có hiệu lực thì các văn bản hướng dẫn cũng được ban hành kịp thời, thống nhất, đồng bộ.

- Rà soát, quy định đầy đủ, chặt chẽ các điều khoản chuyển tiếp; trường hợp văn bản hướng dẫn chưa được ban hành kịp thời thì phải thực hiện các thủ tục theo quy định để tiếp tục áp dụng các quy định hiện hành cho đến khi có văn bản thay thế, bảo đảm tính liên tục của chính sách, không tạo khoảng trống pháp lý, không làm phát sinh vướng mắc, gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong quá trình xử lý các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, các Bộ, ngành không chỉ trả lời riêng cho doanh nghiệp kiến nghị mà cần chủ động cung cấp thông tin về kết quả xử lý đến tất cả các Bộ, ngành, địa phương để thống nhất cách hiểu và cách thực hiện trên phạm vi cả nước. Đối với những vấn đề có tính chất tương tự, cần kịp thời hướng dẫn, áp dụng thống nhất, tránh phát sinh thủ tục, chi phí.

Khẩn trương rà soát toàn diện các quy định về đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, đấu thầu, thuế, hải quan và kiểm tra chuyên ngành để chủ động xử lý ngay các vướng mắc thuộc thẩm quyền; dứt khoát hủy bỏ các quy định chồng chéo, các thủ tục hành chính bất hợp lý, các cách hiểu khác nhau và thái độ né tránh trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành, địa phương và VCCI phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo để rà soát, xử lý.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thực chất, hiệu quả theo các Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư, kinh doanh; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm đối với các lĩnh vực đủ điều kiện; đẩy nhanh số hóa, liên thông, đồng bộ số liệu, dữ liệu. Người đứng đầu các Bộ, ngành, địa phương phải trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm cá nhân nếu để hồ sơ quá hạn hoặc phát sinh thủ tục ngoài quy định.

Người đứng đầu các Bộ, ngành liên quan và Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm không chuyển các điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính đã cắt giảm vào các tiêu chuẩn, quy chuẩn hoặc quy định khác. VCCI cần chủ động nắm bắt, tổng hợp và phản ánh kịp thời kiến nghị của doanh nghiệp.

(2) Khởi thông các nguồn lực về vốn, đất đai và đầu tư; bảo đảm dòng tiền cho sản xuất kinh doanh.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương liên quan tiếp tục phát triển lành mạnh, ổn định, bền vững thị trường vốn, thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Hoàn

thiện, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam trong tháng 7 năm 2026. Thúc đẩy hoạt động của Trung tâm Tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, tạo điều kiện để huy động vốn thông qua các sản phẩm, công cụ tài chính trên thị trường. Chủ động tuyên truyền, thông tin đến cộng đồng doanh nghiệp nội dung mới của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP để thúc đẩy thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Đồng thời, xử lý dứt điểm các dự án chậm triển khai, kéo dài theo đúng quy định của pháp luật, không để đất đai, tài sản và nguồn lực tiếp tục bị lãng phí, với yêu cầu là phải triển khai trên thực tế, xử lý dứt điểm và có kết quả cuối cùng. Đồng thời, kịp thời xử lý việc hoàn thuế, thanh quyết toán vốn đầu tư công và các nghĩa vụ thanh toán của Nhà nước theo quy định, không để doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, hiệu quả, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng với doanh nghiệp và điều hành linh hoạt hạn mức tăng trưởng tín dụng đối với các tổ chức tín dụng. Hoàn thiện Đề án tiếp tục hiện đại hóa hệ thống ngân hàng, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, tăng cường tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7 năm 2026.

(3) Giảm chi phí cho doanh nghiệp, mở rộng thị trường và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục rà soát, cắt giảm chi phí logistics, kiểm tra chuyên ngành và các chi phí tuân thủ không cần thiết; thực hiện quản lý rủi ro, không kiểm tra chồng chéo, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu. Việc ban hành chính sách mới phải được đánh giá đầy đủ tác động đến chi phí và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp; hạn chế tối đa việc phát sinh thêm gánh nặng tuân thủ; Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và VCCI phối hợp thường xuyên đánh giá thực chất việc cắt giảm chi phí tuân thủ.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Công Thương đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại theo hướng hiệu quả xúc tiến phải được đánh giá bằng số lượng hợp đồng, đơn hàng và thị phần thực tế của doanh nghiệp Việt Nam. Phối hợp với Bộ Ngoại giao tăng cường chỉ đạo các Đại sứ, các thương vụ nâng cao hiệu quả công tác này, phải “bám sát” từng thị trường, từng mặt hàng, đánh giá hiệu quả theo kết quả cụ thể.

Tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Thực hiện có hiệu quả Chương trình Vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026-2030 đã được phê duyệt; khẩn trương đề xuất Chương trình “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”, trình cấp có thẩm quyền trong tháng 7 năm 2026.

(4) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng lực lượng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ mới. Đặc biệt, xác định và phát huy vai trò của các doanh nghiệp dẫn dắt trong từng ngành, lĩnh vực then chốt trở

thành lực lượng nòng cốt, đi đầu, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chuỗi giá trị số và trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, khu vực. Tăng cường phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa viện, trường, doanh nghiệp và các bộ ngành, địa phương trong việc giải các bài toán lớn, phát triển công nghệ chiến lược; hoàn thiện Khung kiến trúc tổng thể Quốc gia số đồng bộ, kết nối, liên thông và đẩy mạnh hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu.

Bộ Công an đảm bảo Cổng Dịch vụ công quốc gia và thủ tục hành chính một cửa vận hành thông suốt.

Các Bộ, ngành, địa phương tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu của doanh nghiệp; thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, đổi mới công nghệ và chuyển đổi số.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình phát triển doanh nghiệp tư nhân, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp một người; tạo điều kiện để hình thành nhiều doanh nghiệp quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế.

Tập trung hoàn thành đúng tiến độ, hiệu quả Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

(5) Phát huy vai trò của từng khu vực doanh nghiệp, tăng cường liên kết thực chất.

Doanh nghiệp nhà nước phát huy vai trò dẫn dắt, tiên phong trong các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược; đi đầu trong đầu tư, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, phát triển hạ tầng và tạo thị trường cho doanh nghiệp trong nước. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước phải trở thành doanh nghiệp dẫn dắt thực thụ về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Bộ Tài chính khẩn trương hoàn thiện Phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và đẩy mạnh cổ phần hóa, báo cáo cấp có thẩm quyền trong tháng 8 năm 2026 và hoàn thiện, trình phê duyệt Đề án tái cơ cấu SCIC trong tháng 7 năm 2026; Bộ Công Thương xây dựng Đề án tái cấu trúc Tập đoàn Điện lực Việt Nam phù hợp với thị trường điện cạnh tranh, báo cáo cấp có thẩm quyền trong quý III năm 2026.

Doanh nghiệp tư nhân phải trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; được tạo điều kiện bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực, cơ hội đầu tư, đấu thầu và mua sắm công, trong đó có các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp tư nhân lớn, doanh nghiệp công nghệ cao cần phát huy vai trò dẫn dắt, đi đầu trong chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bộ Tài chính khẩn trương hoàn thiện Dự án Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sửa đổi) (nghiên cứu đổi tên thành Luật Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa) trình Chính phủ trong tháng 7 năm 2026. Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) trong tháng 7 năm 2026.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục nâng cao chất lượng, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, nâng tỷ lệ nội địa hóa và hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham

gia chuỗi cung ứng. Bộ Tài chính khẩn trương trình Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW về kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong tháng 7 năm 2026.

Các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương thúc đẩy liên kết thực chất giữa ba khu vực doanh nghiệp; lấy kết quả liên kết và giá trị gia tăng trong nước làm thước đo hiệu quả, làm tiêu chí để có các chính sách khuyến khích và ưu đãi.

(6) Nâng cao hiệu lực tổ chức thực hiện và kỷ luật hành chính

Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần tập trung ưu tiên cao nhất cho công tác tổ chức thực thi và nâng cao kỷ luật hành chính. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, trước Chính phủ về kết quả và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao; không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm hoặc chờ hướng dẫn đối với những vấn đề pháp luật đã quy định rõ.

Các Bộ, cơ quan, địa phương phải lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; phân cấp, phân quyền nhưng phải gắn với đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo việc thực thi thống nhất, đồng bộ, tránh đẩy khó khăn cho doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp cần đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị, chất lượng sản phẩm

Đối với cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp và VCCI:

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu phải phát huy tinh thần tự chủ, tự lực, đổi mới sáng tạo; chủ động nâng cao năng lực quản trị, công nghệ, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng vốn và năng lực cạnh tranh; tuân thủ nghiêm pháp luật, nâng cao trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng văn hóa kinh doanh; chủ động tham gia các chuỗi liên kết sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị trong nước và quốc tế; ưu tiên sử dụng nguyên liệu, linh kiện, dịch vụ và công nghệ trong nước.

Các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn, tổng công ty lớn đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, phát huy vai trò dẫn dắt; tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các dự án, chuỗi cung ứng. Bộ Tài chính chủ trì, nghiên cứu cơ chế giao trách nhiệm cho các doanh nghiệp nhà nước gắn kết với các doanh nghiệp trong nước, hoàn thành trong quý III năm 2026.

Các doanh nghiệp tư nhân chủ động đổi mới công nghệ, nâng cao quản trị, chất lượng sản phẩm, năng lực tài chính và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Các tập đoàn tư nhân lớn phát huy vai trò dẫn dắt, tiên phong trong chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, lan tỏa công nghệ và hệ sinh thái số; chủ động tích cực tham gia giải các bài toán lớn của các Bộ, ngành, địa phương.

Các doanh nghiệp FDI thực hiện tốt các cam kết về nội địa hóa, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và phát triển nhà cung ứng Việt Nam; chủ động đầu tư hình thành, mở rộng các trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm thiết kế, đổi mới sáng tạo, đào tạo kỹ thuật và quản trị tại Việt Nam...

Nguồn: baohinhphu.vn

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI: BƯỚC CHUYỂN BIẾN TRONG TƯ DUY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÔ THỊ

Chiều ngày 21/7/2026, tại Nhà Quốc hội, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn đã chủ trì Hội nghị giữa Ban Thường vụ Đảng ủy Quốc hội và Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về tình hình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội của Thành phố Hồ Chí Minh và việc xây dựng dự án Luật Phát triển đô thị.

Dự án Luật Phát triển đô thị đã tập trung thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng, kế thừa các cơ chế còn phù hợp của Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cũng như tham khảo cơ chế, chính sách tương tự tại Luật Thủ đô.

Quan điểm xuyên suốt là phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền đô thị đặc biệt gắn với tăng cường kiểm soát quyền lực, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

Chủ tịch Quốc hội đánh giá cao công tác chuẩn bị của Thành phố Hồ Chí Minh đối với dự thảo Luật Phát triển đô thị; nhấn mạnh đây là dự án Luật có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu bước chuyển biến trong tư duy quản lý nhà nước về đô thị sang tư duy quản trị đô thị hiện đại và kiến tạo phát triển.

Nhấn mạnh Luật phải có tính chất đột phá để Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố trong cả nước phát triển, Chủ tịch Quốc hội đề nghị hoàn thiện bộ máy quản trị đô thị và cơ chế kiểm soát quyền lực. Việc phân quyền để giao thẩm quyền tại chỗ cho chính quyền đô thị thành phố tự duyệt chủ trương đầu tư, thu hồi giấy phép... Đây là một bước đột phá lớn phải làm. Tuy nhiên, cần quy định rõ tiêu chí định lượng về năng lực bộ máy thực thi khi được phân cấp, tránh tình trạng trao quyền nhưng thiếu nguồn lực và thiếu nhân sự chuyên môn.

Về cơ chế kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình, Chủ tịch Quốc hội lưu ý trao cơ chế vượt trội phải đi đôi với cơ chế hậu kiểm độc lập; cần thiết lập chỉ số đánh giá hiệu quả quản trị đô thị, định kỳ công khai cho người dân, doanh nghiệp, cho Quốc hội và Hội đồng nhân dân giám sát.

Cùng với đó, quy định rõ giới hạn pháp lý giữa quyền chủ động thí điểm cơ chế mới và các điều cấm trong Hiến pháp, Bộ luật Hình sự (sửa đổi)... để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Chủ tịch Quốc hội yêu cầu thể chế hóa mô hình TOD (phát triển đô thị định hướng giao thông công cộng) và quy hoạch không gian động Thành phố trong dự thảo Luật. Theo đó, cần quy định rõ bán kính vùng phụ cận ga, cho phép địa phương đầu giá quyền phát triển không gian ngầm, không gian trên cao tại các nút giao TOD, thu hồi giá trị gia tăng từ đất nộp lại ngân sách để tái đầu tư phát triển hạ tầng.

Đối với vấn đề cơ chế đột phá tài chính đô thị, huy động nguồn lực đầu tư, Chủ tịch Quốc hội nhận định điểm nghẽn lớn nhất hiện nay là đô thị thiếu cơ chế tự tạo nguồn vốn đầu tư phát triển, phụ thuộc quá lớn vào nguồn ngân sách truyền thống hoặc tín dụng ngân hàng. Vì vậy, dự thảo Luật cần bổ sung quy định về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương chuyên biệt gắn với các dự án hạ tầng lớn; thí điểm mô hình quỹ đầu tư phát triển hạ tầng đô thị hoạt động theo nguyên tắc thị trường cho phép hợp tác công-tư (PPP).

Chủ tịch Quốc hội nêu rõ thành phố cần phát triển lĩnh vực hạ tầng mềm như chuyển đổi số, trung tâm đổi mới sáng tạo...; cắt giảm các tầng nấc thủ tục đầu tư, rút ngắn quy trình thẩm định đối với các dự án đô thị chiến lược; đồng thời quan tâm giải quyết các vấn đề chỉnh trang đô thị, nhất là việc cải tạo nhà ở ven sông, kênh, rạch nhằm bảo đảm mỹ quan đô thị, an toàn và môi trường sống.

Chủ tịch Quốc hội lưu ý nghiên cứu bảo đảm tính đồng bộ giữa các quy định trong Luật Phát triển đô thị với các luật chuyên ngành đang được xem xét sửa đổi, bổ sung như Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước, trong đó, cần quy định rõ cơ chế thu hồi đất phục vụ tái thiết, chỉnh trang đô thị, vùng TOD... theo tỷ lệ đồng thuận của cộng đồng dân cư.

Nguồn: vietnamplus.vn

VNEID TÍCH HỢP THÊM TÍNH NĂNG TRA CỨU THÂN NHÂN LIỆT SĨ

Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - C06 (Bộ Công an) vừa đưa tính năng tra cứu thân nhân liệt sĩ lên VNeID.

Tính năng tra cứu thân nhân liệt sĩ trên VNeID sẽ cung cấp kênh tra cứu chính thống, tập trung và thuận tiện để người dân, thân nhân liệt sĩ tra cứu, thực hiện nhận liệt sĩ; góp phần hỗ trợ xác minh thông tin, kết nối thân nhân với phần mộ liệt sĩ và phục vụ công tác tri ân, đền ơn đáp nghĩa.

Người dùng chỉ cần mở ứng dụng VNeID cấp độ 2, chọn mục Dịch vụ khác, ấn Kết nối thân nhân liệt sĩ, thực hiện nhập các thông tin theo yêu cầu để tra cứu.

Hiện Bộ Công an đang phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp đẩy mạnh công tác giám định mẫu sinh phẩm hài cốt liệt sĩ chưa xác định thông tin; đồng thời kết nối, chia sẻ dữ liệu để thực hiện so sánh, đối khớp phục vụ xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

VNeID (Vietnam Electronic Identification) là ứng dụng định danh điện tử do Bộ Công an phát triển, chính thức đưa vào sử dụng từ ngày 18/7/2022. Ứng dụng được xây dựng nhằm thay thế nhiều loại giấy tờ truyền thống trong các giao dịch điện tử, đồng thời tạo nền tảng để người dân tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến.

Đến nay, VNeID đã tích hợp nhiều loại giấy tờ cá nhân như: Căn cước, giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội cùng nhiều thông tin khác. Người dùng có thể xuất trình các giấy tờ điện tử ngay trên ứng dụng khi thực hiện thủ tục hành chính hoặc các giao dịch theo quy định.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI 100 NGÀY GỠ ĐIỂM NGHẸN CHUYỂN ĐỔI SỐ

Bộ trưởng Bộ Xây dựng vừa triển khai Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị của Bộ.

Mục tiêu của kế hoạch là tạo chuyển biến rõ nét trong công tác chuyển đổi số, đồng thời đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

Tạo chuyển biến rõ nét trong công tác chuyển đổi số

Theo kế hoạch, thời gian triển khai kéo dài 100 ngày làm việc, từ ngày 10/7/2026 đến hết ngày 30/11/2026. Bộ Xây dựng yêu cầu việc thực hiện phải bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian và rõ kết quả; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trước Bộ trưởng về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Kế hoạch tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, dữ liệu, hạ tầng số, nền tảng số, quy trình nghiệp vụ và nguồn nhân lực; đồng thời đẩy nhanh việc xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung của Bộ, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành.

Để thực hiện mục tiêu trên, Bộ Xây dựng giao các đơn vị triển khai nhiều nhóm nhiệm vụ trọng tâm, gồm: hoàn thiện thể chế; đầu tư, nâng cấp hạ tầng số; hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành; phát triển các nền tảng số; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến; thúc đẩy kinh tế số và phát triển nguồn nhân lực số. Mỗi nhiệm vụ đều được xác định rõ cơ quan chủ trì, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành.

Trong lĩnh vực dữ liệu số, Bộ Xây dựng đặt mục tiêu hoàn thiện, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng cùng 9 cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng thời đẩy mạnh kết nối, đồng bộ dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định.

Đối với nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến, Bộ yêu cầu hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, bảo đảm kết nối đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia; kết nối các cơ sở dữ liệu đã được công bố để tự động điền, xác thực và tái sử dụng thông tin, qua đó giảm yêu cầu người dân và doanh nghiệp phải cung cấp lại giấy tờ, dữ liệu đã có.

Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng yêu cầu tăng cường đầu tư hạ tầng số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin; xây dựng danh mục dữ liệu mở và chuẩn hóa API nhằm thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, phục vụ phát triển kinh tế số.

Theo Bộ Xây dựng, kết quả triển khai Kế hoạch sẽ được theo dõi, kiểm tra thường xuyên trên cơ sở sản phẩm đầu ra và hiệu quả khai thác thực tế của các hệ thống, nền tảng số. Đây cũng sẽ là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, người đứng đầu và cấp ủy các cơ quan, đơn vị trong năm 2026.

Xây dựng nền tảng giao thông thông minh, hoàn thiện dữ liệu số

Cục Đường bộ Việt Nam được giao xây dựng Kế hoạch triển khai nền tảng quản lý hệ thống giao thông thông minh (ITS), hoàn thành trước ngày 15/8/2026. Đây là bước chuẩn bị quan trọng nhằm hình thành nền tảng quản lý giao thông số đồng bộ, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Song song với đó, Bộ Xây dựng yêu cầu đẩy nhanh việc hoàn thiện, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu của các cơ sở dữ liệu chuyên ngành giao thông. Trước ngày 15/11/2026, các cơ sở dữ liệu về đăng kiểm phương tiện, kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, hàng không, tàu biển và thuyền viên hàng hải phải hoàn thành chuẩn hóa, đối soát và làm sạch tối thiểu 80% dữ liệu đủ điều kiện đồng bộ.

Về kết nối, chia sẻ dữ liệu, Bộ giao các đơn vị đồng bộ nhiều nhóm dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước. Riêng lĩnh vực đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam phải hoàn thành đồng bộ dữ liệu về giấy phép kinh doanh vận tải, giấy phép vận tải qua biên giới và chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ trước ngày 30/10/2026.

Các đơn vị chuyên ngành khác cũng được giao kết nối dữ liệu về đăng kiểm phương tiện, phương tiện thủy nội địa, tàu biển, hàng không, đường sắt cùng nhiều loại giấy phép, chứng chỉ chuyên ngành, hướng tới hình thành hệ thống dữ liệu thống nhất, phục vụ hiệu quả công tác quản lý và khai thác.

Đối với hạ tầng số, Bộ Xây dựng yêu cầu các cơ quan, đơn vị rà soát, đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; kiểm kê hệ thống trung tâm dữ liệu, xây dựng phương án chuyển đổi các hạ tầng nhỏ lẻ, kém hiệu quả; đồng thời tăng cường bảo đảm an toàn thông tin và kết nối giám sát an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin quan trọng.

Bộ cũng đặt mục tiêu hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, kết nối với các cơ sở dữ liệu đã công bố để tự động điền, xác thực và tái sử dụng dữ liệu, qua đó giảm yêu cầu người dân và doanh nghiệp phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có.

Nguồn: vtv.vn

BỘ NỘI VỤ HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH THÔN, TỔ DÂN PHỐ NGHỈ VIỆC

Bộ Nội vụ vừa ban hành Công văn số 7617/BNV-TCBC gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm hướng dẫn, thống nhất việc giải quyết chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp thôn, tổ dân phố.

Theo Bộ Nội vụ, sau khi ban hành Công văn số 7031/BNV-TCBC ngày 07/7/2026, một số địa phương đã có đề nghị làm rõ cách xác định đối tượng được hưởng chính sách. Vì vậy, Bộ Nội vụ tiếp tục hướng dẫn để bảo đảm việc triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước.

Tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP (về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố), quy định người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm các chức danh: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Bí thư Chi bộ và Trưởng Ban Công tác Mặt trận.

Đối với các thôn, tổ dân phố thực hiện phương án sắp xếp thành một thôn, tổ dân phố mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền, số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư được xác định trên cơ sở số chênh lệch giữa tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có mặt tại thời điểm sắp xếp so với số lượng người hoạt động không chuyên trách được bố trí ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Bộ Nội vụ đề nghị các địa phương căn cứ phương án bố trí nhân sự của từng thôn, tổ dân phố sau sắp xếp để xem xét, quyết định đối tượng nghỉ việc, bảo đảm số người được giải quyết nghỉ việc theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (về chính sách tinh giản biên chế) không vượt quá số người hoạt động không chuyên trách được xác định là dôi dư của thôn, tổ dân phố đó.

Đối với các trường hợp nghỉ việc do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, Bộ Nội vụ đề nghị các địa phương thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 7031/BNV-TCBC.

Theo đó, địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách để chủ động ban hành chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương theo thẩm quyền, bảo đảm quyền lợi cho các đối tượng liên quan.

Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn để khẩn trương giải quyết chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc thẩm quyền quản lý.

Đồng thời, các địa phương có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ trước ngày 30/7/2026 để Bộ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trước đó, ngày 07/7/2026, Bộ Nội vụ đã ban hành Công văn số 7031/BNV-TCBC gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

Theo hướng dẫn, đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc đối tượng chịu tác động trực tiếp của việc sắp xếp, tổ chức lại, các địa phương thực hiện giải quyết chính sách theo quy định của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

Đối với các trường hợp nghỉ việc do địa phương chủ động cơ cấu, kiện toàn đội ngũ nhưng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, Bộ Nội vụ đề nghị căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách để chủ động ban hành chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương theo thẩm quyền.

Việc giải quyết chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách nghỉ việc nhằm bảo đảm quyền lợi của những người bị ảnh hưởng trực tiếp trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, đồng thời tạo điều kiện để các địa phương triển khai đồng bộ các quy định mới về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Phương Nhung – Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI

Ngày 22/7/2026, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức Hội nghị trực tuyến hướng dẫn đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2026, nhằm khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của hệ thống bảo hiểm xã hội.

Phát biểu ý kiến tại Hội nghị, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam Đào Việt Ánh khẳng định, chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo tổng hợp phản ánh chất lượng phục vụ và hiệu quả hoạt động của cơ quan Bảo hiểm xã hội trên nhiều phương diện, từ cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình nghiệp vụ, chất lượng đội ngũ cán bộ đến ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Đây cũng là chỉ số quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam, góp phần thực hiện các mục tiêu cải cách chính sách bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết số 28-NQ/TW và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024.

Thực tế qua các năm triển khai khảo sát, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của hệ thống Bảo hiểm xã hội liên tục được cải thiện, từ 81,4% năm 2020 lên 89,5% năm 2025. “Đây vừa là kết quả đáng ghi nhận, vừa là áp lực để toàn hệ thống tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ, hướng tới hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 đạt tối thiểu 90%

mức độ hài lòng chung và 95% đối với việc giải quyết thủ tục hành chính”, Phó Giám đốc Đào Việt Ánh nhấn mạnh.

Về công tác khảo sát mức độ hài lòng năm 2026, Bảo hiểm xã hội Việt Nam sẽ tập trung vào ba điểm mới nổi bật, gồm: Kết hợp hình thức khảo sát trực tiếp và trực tuyến; rút ngắn khoảng thời gian giữa thời điểm phục vụ và thời điểm đánh giá nhằm nâng cao tính chính xác của kết quả; triển khai khảo sát theo mô hình tổ chức mới của hệ thống bảo hiểm xã hội sau khi sắp xếp bộ máy.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam cũng đề nghị các đơn vị thực hiện khảo sát phát huy tinh thần trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc, khách quan, khoa học từ khâu chọn mẫu, thu thập thông tin, tổng hợp dữ liệu đến phân tích kết quả, coi đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Trao đổi và thảo luận tại hội nghị, đại diện lãnh đạo bảo hiểm xã hội của 12 tỉnh, thành phố cũng nêu các câu hỏi, chia sẻ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai khảo sát tại địa phương.

Các nội dung tập trung vào việc lựa chọn mẫu khảo sát, tổ chức khảo sát trực tuyến và trực tiếp, quản lý dữ liệu, sử dụng công cụ khảo sát, xử lý các tình huống phát sinh và bảo đảm tính khách quan của kết quả đánh giá.

Trên cơ sở các ý kiến trao đổi, lãnh đạo Ban Tuyên truyền và Hỗ trợ người tham gia (Bảo hiểm xã hội Việt Nam) đã giải đáp cụ thể từng nhóm vấn đề, cùng với đó hướng dẫn thống nhất cách thức thực hiện để các địa phương triển khai đồng bộ, đúng quy định và đạt hiệu quả cao. Đồng thời, đề nghị các đơn vị tiếp tục tham mưu triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, nhất là tại những địa bàn có yêu cầu cao về chất lượng dịch vụ, để kết quả khảo sát phản ánh trung thực, khách quan hiệu quả phục vụ của hệ thống bảo hiểm xã hội.

Nguồn: nhandan.vn

BỘ CÔNG AN VÀ BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NÂNG TẦM HỢP TÁC, THÚC ĐẨY CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC VÀ HẠ TẦNG SỐ QUỐC GIA

Chiều ngày 21/7/2026, tại Hà Nội, Bộ Công an phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức Lễ tổng kết Chương trình số 14/CTr-BCA-BKHCN ngày 31/12/2020 về phối hợp hoạt động khoa học và công nghệ giữa hai Bộ giai đoạn 2021 - 2025 (Chương trình số 14); ký kết Chương trình phối hợp giữa hai Bộ giai đoạn 2026 - 2030.

Những năm qua, thực hiện Chương trình số 14, quan hệ phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ trong hoạt động khoa học và công nghệ đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Nổi bật, các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã trực tiếp phục vụ quá trình xây dựng lực lượng Công an nhân dân theo tinh

thần Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị. Hoạt động nghiên cứu khoa học đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo, làm chủ công nghệ của đội ngũ cán bộ khoa học trong Công an nhân dân, từng bước hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

Bên cạnh đó, thông qua việc xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, triển khai Đề án 06 của Chính phủ và các nền tảng dữ liệu dùng chung, đã góp phần quan trọng hình thành hạ tầng dữ liệu số quốc gia, phục vụ hiệu quả cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển các tiện ích số cho người dân, doanh nghiệp; tạo nền tảng thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương; từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu số thống nhất, phục vụ quản trị quốc gia hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

Các nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ và sản phẩm phục vụ công tác công an đã góp phần thúc đẩy hình thành và phát triển công nghiệp an ninh theo hướng hiện đại, lưỡng dụng, có khả năng phục vụ cả nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội. Các kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý dân cư, cải cách hành chính, tiêu chuẩn đo lường chất lượng... đã đóng góp thiết thực vào quản trị xã hội hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và củng cố niềm tin của người dân đối với các cơ quan nhà nước...

Phát biểu tại Lễ tổng kết, Bộ trưởng Vũ Hải Quân đề nghị trong thời gian tới, các cơ quan, đơn vị của hai Bộ cần đổi mới mạnh mẽ từ phương thức quản lý hành chính sang quản trị số, nâng cao chất lượng phối hợp trong triển khai công tác thường trực Ban Chỉ đạo 57 của Bộ Công an và thường trực Tổ công tác về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng phối hợp chặt chẽ trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn trên lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Phối hợp rà soát, tham mưu xây dựng, đầu tư nâng cấp các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm tính toán hiệu năng cao phục vụ các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ mũi nhọn của quốc gia nói chung và của ngành Công an nói riêng...

Thay mặt Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ Công an, Bộ trưởng Lương Tam Quang ghi nhận, đánh giá cao, biểu dương những kết quả đạt được trong thực hiện Chương trình phối hợp giữa hai Bộ giai đoạn 2021 - 2025.

Bộ trưởng Lương Tam Quang yêu cầu công an các đơn vị, địa phương, ngay sau khi Chương trình phối hợp giai đoạn 2026 - 2030 được hai Bộ ban hành, cần chủ động, quyết liệt trong xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện; tiếp tục phối hợp hiệu quả với các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ các địa phương để khắc phục khó khăn, tồn tại, triển khai hiệu quả các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công tác công an. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo hướng rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm và bảo đảm các nhiệm vụ phải có sản phẩm cụ thể, địa chỉ ứng dụng rõ ràng; đo lường,

kiểm đếm được hiệu quả đầu ra để phục vụ trực tiếp yêu cầu công tác, chiến đấu của lực lượng Công an nhân dân.

Nguồn: [bocongan.gov.vn](#)

SẮP XẾP MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC: SẼ ĐIỀU CHUYỂN TRÊN 20.000 CÁN BỘ QUẢN LÝ SANG LÀM VIỆC KHÁC

Trong 2 ngày (23/7 - 24/7/2026), tại tỉnh Phú Thọ, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2026 nhằm đánh giá kết quả năm học 2025 - 2026 và trao đổi, thống nhất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2026 - 2027.

Vấn đề quan tâm nhất tại hội nghị là tổ chức quản lý giáo dục theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Khoảng 40% công chức phụ trách giáo dục cấp xã không có trình độ chuyên môn về giáo dục

Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương rà soát toàn diện mạng lưới trường lớp học, trọng tâm là xử lý các điểm trường lẻ, các cơ sở quy mô nhỏ, phân tán hoặc không đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Kết quả đến ngày 31/12/2025, tất cả 34/34 tỉnh, thành phố đã hoàn thành phê duyệt phương án sắp xếp, theo đó giảm 457 cơ sở mầm non, 914 cơ sở phổ thông và 709 vị trí lãnh đạo quản lý trên toàn quốc.

Thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các địa phương tiếp tục sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục, giảm tối thiểu 30% đầu mỗi, nơi có điều kiện thuận lợi giảm khoảng 50% đầu mỗi cơ sở giáo dục công lập so với thời điểm 01/7/2025, tương đương với việc giảm trên 11.000 trường, hoàn thành trước ngày 30/8/2026. Sau sắp xếp, dự kiến sẽ điều chuyển và sắp xếp lại trên 20.000 cán bộ quản lý, trong đó khoảng 11.000 người được bố trí làm giáo viên trực tiếp đứng lớp. Các địa phương đang tích cực triển khai và cam kết hoàn thành đúng tiến độ.

Tuy nhiên, Bộ Giáo dục và Đào tạo thừa nhận việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục hiện nay còn nhiều tồn tại, hạn chế vì khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đội ngũ công chức phụ trách giáo dục cấp xã không có trình độ chuyên môn về giáo dục chiếm tỷ lệ rất cao (khoảng 40%), trong đó nhiều xã bố trí 01 công chức phụ trách nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực giáo dục làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc.

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, nguyên nhân là do cấp xã trước đó không có bộ phận chuyên môn riêng về giáo dục, trong thời gian ngắn chưa có đủ nhân sự có chuyên môn để bố trí công

việc; mặc dù Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức tập huấn, cung cấp tài liệu hướng dẫn thực hiện một cách hệ thống, đầy đủ và dễ tiếp cận nhưng mới chỉ cải thiện bước đầu.

Tại hội nghị, các đại biểu tập trung làm rõ những khó khăn, vướng mắc nổi lên trong thực tiễn quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục tại địa phương; nhất là những vấn đề liên quan đến đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, mạng lưới trường lớp, phân cấp quản lý, chuyển đổi số, tổ chức dạy học và bảo đảm chất lượng giáo dục.

Những nguyên nhân chủ yếu, cả về cơ chế, chính sách, tổ chức thực hiện và trách nhiệm của từng cấp, từng đơn vị. Đề xuất những giải pháp cụ thể, có tính đột phá, có thể triển khai ngay trong năm học tới; trong đó cần xác định 6 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ kết quả”.

Bổ sung biên chế giáo viên trực tiếp giảng dạy

Một trong những mục tiêu xuyên suốt của Nghị quyết số 71-NQ/TW là bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Theo Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phạm Ngọc Thương, năm học vừa qua, mục tiêu này tiếp tục được cụ thể hóa thông qua nhiều chính sách hỗ trợ người học như miễn học phí, miễn phí sách giáo khoa theo lộ trình, hỗ trợ bữa ăn bán trú, học bổng, tín dụng học sinh, sinh viên... Đồng thời, các địa phương tập trung mở rộng mạng lưới trường lớp, tuyển dụng giáo viên, đổi mới công tác tuyển sinh đầu cấp.

Nhờ đó, chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2026 - 2027 tiếp tục tăng, đạt khoảng 79,3% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở; 34/34 tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và đăng ký lộ trình hoàn thành vào năm 2030.

Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định chủ đề năm học 2026 - 2027 là “Đổi mới tư duy, chuyển biến mạnh mẽ, kết quả thực chất”, theo Thứ trưởng Phạm Ngọc Thương, các vấn đề ngành giáo dục quan tâm nhất hiện nay tập trung đưa ra giải pháp giải “bài toán” là phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, mất cân đối cơ cấu đội ngũ, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, giảm áp lực hành chính để giáo viên có thêm thời gian tập trung cho nhiệm vụ chuyên môn; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và mạng lưới trường lớp, nhất là tại vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và những địa bàn có tốc độ tăng dân số cơ học cao.

Đặc biệt, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng và khai thác dữ liệu ngành, ứng dụng khoa học, công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dạy học; đồng thời bảo đảm an toàn, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và yêu cầu phát triển toàn diện người học.

Tập trung nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

Cần chế độ chính sách đặc thù để thu hút và giữ chân nhà giáo

Để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên và thực hiện tốt công tác phát triển đội ngũ nhà giáo trong năm học mới, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục Vũ Minh Đức cho biết: Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản nhằm tạo cơ sở pháp

lý vững chắc xây dựng quy hoạch, chế độ chính sách đặc thù bảo đảm bền vững, lâu dài để thu hút và giữ chân nhà giáo yên tâm công tác trong ngành Giáo dục.

Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục Vũ Minh Đức cho biết, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tiếp tục phối hợp với Bộ Nội vụ rà soát số lượng chỉ tiêu biên chế và số lượng giáo viên hiện có của các địa phương để báo cáo Trung ương bổ sung biên chế ngành giáo dục giai đoạn 2027 - 2031.

Theo đó, đôn đốc các địa phương trong việc tổ chức tuyển dụng hết số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, thực hiện tốt việc sắp xếp các cơ sở giáo dục để giảm biên chế quản lý và nhân viên, bổ sung biên chế giáo viên trực tiếp giảng dạy theo chỉ đạo của Chính phủ.

Đối với các địa phương, theo Cục trưởng Vũ Minh Đức, cần thực hiện tốt việc sắp xếp các cơ sở giáo dục để giảm biên chế quản lý và nhân viên, bổ sung biên chế giáo viên trực tiếp giảng dạy. Tổ chức tuyển dụng đủ số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, rà soát để đặt hàng đào tạo giáo viên bảo đảm đủ nguồn tuyển dụng của địa phương.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ. Đẩy mạnh việc thực hiện tinh giản biên chế gắn với sắp xếp lại tổ chức trường, lớp và cơ cấu lại đội ngũ viên chức.

Báo cáo về công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị trường học phục vụ năm học 2026-2027, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính Trương Anh Dũng cho biết: Cả nước hiện có 36.794 cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập với 582.659 phòng học, trong đó tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 87%. Toàn ngành còn thiếu 45.691 phòng học, 27.084 phòng học chức năng; tại một số vùng khó khăn còn 6.477 phòng học nhờ, mượn

Nguồn: daibieunhandan.vn

ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP THÊM 16 LOẠI GIẤY TỜ LĨNH VỰC GIAO THÔNG, XÂY DỰNG LÊN VNEID

Bộ Xây dựng vừa yêu cầu các đơn vị trực thuộc khẩn trương chuẩn hóa dữ liệu, đẩy nhanh tiến độ tích hợp thêm 16 loại giấy tờ đủ điều kiện lên ứng dụng VNeID theo lộ trình hoàn thành trong năm 2026. Việc tích hợp sẽ góp phần triển khai Đề án 06 của Chính phủ và thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải.

Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Xây dựng nhằm thực hiện Đề án 06, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính và xây dựng Chính phủ số và thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải.

Bộ Xây dựng giao các cục chuyên ngành và Vụ Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu đối với các loại giấy tờ thuộc phạm vi quản lý để tích hợp lên VNeID. Trung tâm Công nghệ thông tin là đầu mối phối hợp triển khai, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo lãnh đạo Bộ.

Danh mục tích hợp trải rộng trên nhiều lĩnh vực. Trong lĩnh vực đăng kiểm có giấy chứng nhận kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện thủy nội địa, giấy chứng nhận thợ hàn.

Đối với lĩnh vực đường bộ, nhiều loại giấy tờ phục vụ hoạt động vận tải và đào tạo lái xe sẽ được đưa lên VNeID như giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép đào tạo lái xe, giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Trung Quốc và giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng cũng triển khai tích hợp nhiều giấy tờ trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy, bất động sản và kiến trúc như giấy chứng nhận đăng ký tàu biển, giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản và chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

Theo lộ trình, các loại giấy tờ sẽ được hoàn thành tích hợp từ tháng 7 đến tháng 11/2026, tùy từng lĩnh vực quản lý.

Nguồn: baohinhphu.vn

NIỀM TIN DOANH NGHIỆP ĐƯỢC Củng Cố QUA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THUẾ

Ngành Thuế xác định cải cách không chỉ là yêu cầu quản lý nhà nước, mà còn là trách nhiệm phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày một tốt hơn. Theo đó, ngành Thuế đã không ngừng đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số nhằm củng cố niềm tin, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Lấy sự hài lòng của doanh nghiệp làm thước đo cải cách

Với quan điểm lấy người nộp thuế làm trung tâm, mọi cải cách chỉ thực sự có ý nghĩa khi mang lại thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế. Do đó, bên cạnh việc rà soát, hoàn thiện thể chế, cắt giảm thủ tục hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý thuế, ngành Thuế luôn coi trọng việc lắng nghe ý kiến phản hồi từ thực tiễn để nhận diện đầy đủ những khó khăn, vướng mắc còn tồn tại.

Ông Nguyễn Hữu Hùng - Phó chánh Văn phòng Cục Thuế cho biết, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính về cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, ngành Thuế đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

Đến nay, số lượng thủ tục hành chính thuế đã giảm xuống còn 137 thủ tục hành chính; chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã giảm tương ứng khoảng 51%; thời gian giải quyết thủ tục hành chính giảm tương ứng khoảng 27%.

Ngành Thuế đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ công bố thủ tục hành chính để tham mưu trình Bộ Tài chính ban hành các Quyết định công bố thủ tục hành chính, theo đó, số lượng thủ tục hành chính dự kiến sẽ giảm xuống còn 122 thủ tục hành chính; chi phí tuân thủ thủ tục hành chính giảm khoảng 61%, thời gian giải quyết thủ tục hành chính giảm tương ứng khoảng 51% so với năm 2024.

Áp dụng triệt để cơ chế “một hồ sơ, một đầu mối xử lý”

Theo Phó chánh Văn phòng Cục Thuế Nguyễn Hữu Hùng, dù đạt được kết quả tích cực, song công tác cải cách thủ tục hành chính thuế còn tồn tại những khó khăn, hạn chế cần tiếp tục khắc phục. Thứ nhất, mặc dù số lượng thủ tục hành chính đã giảm đáng kể, nhưng chủ yếu do hợp nhất các thủ tục có cùng đối tượng và tính chất tương đồng. Vì vậy, việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính mới chủ yếu về mặt số lượng, trong khi nội dung, trình tự thực hiện của nhiều thủ tục chưa thực sự được đơn giản hóa.

Thứ hai, mặc dù các ứng dụng như eTax Mobile, thuế điện tử..., liên tục được cập nhật, nâng cấp, tuy nhiên vẫn còn tình trạng nghẽn mạng, lỗi đường truyền do quá tải. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện giao diện, quy trình xử lý, tính ổn định của hệ thống và nâng cao trải nghiệm người dùng.

Thứ ba, công tác cải cách thủ tục hành chính giữa các địa phương vẫn còn chưa thật sự đồng đều; tại một số địa bàn có quy mô quản lý lớn, số lượng hồ sơ, yêu cầu hỗ trợ của người dân, doanh nghiệp tăng cao vào từng thời điểm, trong khi nguồn lực thực hiện có hạn nên vẫn còn xảy ra tình trạng quá tải cục bộ, đôi lúc chưa đáp ứng được kỳ vọng của người dân và doanh nghiệp.

Nêu quan điểm về công tác cải cách thủ tục hành chính của ngành Thuế, ông Mạc Quốc Anh - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội cho biết, cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực chuyển đổi số của ngành Thuế, đặc biệt là sự chuyển biến tư duy từ “quản lý” sang “phục vụ” người nộp thuế.

“Dù hệ thống pháp luật cơ bản đã hoàn thiện, tuy nhiên quy trình xử lý hồ sơ điện tử đôi chỗ còn thủ công; sự thiếu thống nhất trong giải thích chính sách; chưa rõ trách nhiệm xử lý hồ sơ; chưa phân biệt rõ lỗi kỹ thuật với lỗi gian lận... là những điểm nghẽn trong thực thi thực tế cần được tháo gỡ” - ông Mạc Quốc Anh nêu rõ.

Theo đó, ông Mạc Quốc Anh góp ý, ngành Thuế cần áp dụng triệt để cơ chế “một hồ sơ, một đầu mối, chịu trách nhiệm xử lý đến cùng”; xây dựng cơ sở dữ liệu giải đáp chính sách thuế thống nhất toàn quốc để bảo vệ người làm đúng hướng dẫn; có giai đoạn hỗ trợ tuân thủ khi áp dụng quy định mới; công khai nguyên nhân xếp hạng rủi ro, không hạ mức tuân thủ đối với người nộp thuế chủ động phát hiện và tự khắc phục sai sót; công khai bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ tại từng đơn vị thuế.

Theo chuyên gia, mục tiêu cốt lõi là chuyển từ quản lý hồ sơ sang quản trị dữ liệu, tập trung phòng ngừa sai sót thay vì chỉ xử phạt, qua đó đồng hành và tạo lập khả năng tuân thủ bền vững cho doanh nghiệp.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**HÀ NỘI VẬN HÀNH HỆ THỐNG VĂN BẢN ĐIỆN TỬ GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội vừa ban hành Quyết định số 3667/QĐ-UBND về việc vận hành chính thức Hệ thống chuyển nhận văn bản điện tử dùng chung giữa tổ chức, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội (hệ thống).

Theo đó, thành phố đưa vào vận hành chính thức Hệ thống chuyển nhận văn bản điện tử dùng chung giữa tổ chức, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội. Đây là nền tảng số phục vụ gửi, nhận, theo dõi, quản lý, lưu trữ, khai thác văn bản điện tử; kết nối, liên thông với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành cùng các nền tảng số của thành phố, góp phần từng bước thay thế văn bản giấy và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hệ thống được áp dụng đối với các sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị liên quan và có giá trị pháp lý theo quy định khi văn bản được ký số hợp lệ (văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước, thủ tục hành chính, văn bản chuyên ngành có quy định riêng).

Về nguyên tắc vận hành, những văn bản đủ điều kiện phải được gửi, nhận qua Hệ thống, chỉ sử dụng văn bản giấy khi pháp luật quy định hoặc xảy ra sự cố kỹ thuật; tổ chức, doanh nghiệp không phải khai báo lại thông tin đã được xác thực; văn bản điện tử được quản lý bằng mã định danh, theo dõi trạng thái xử lý và truy vết toàn trình. Hệ thống bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu qua LGSP và tuân thủ quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh mạng, giao dịch điện tử.

Theo quyết định, 100% sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân xã, phường, cơ quan, đơn vị có phát sinh giao dịch văn bản với tổ chức, doanh nghiệp phải kết nối, khai thác và sử dụng hệ thống; 100% doanh nghiệp thành lập mới được hướng dẫn, hỗ trợ tạo tài khoản và sử dụng Hệ thống ngay khi đăng ký doanh nghiệp.

Toàn bộ văn bản điện tử đủ điều kiện giao dịch giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp được thực hiện qua Hệ thống, từng bước thay thế văn bản giấy. Các trường hợp không cập nhật dữ liệu, không tiếp nhận, xử lý văn bản điện tử hoặc gửi song song văn bản giấy không cần thiết sẽ được thống kê, báo cáo, đưa vào đánh giá cải cách hành chính, chuyển đổi số, mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Cùng với đó, dữ liệu hình thành trong quá trình vận hành Hệ thống được quản lý, khai thác, chia sẻ theo quy định; việc kết nối dữ liệu bảo đảm an toàn, bảo mật, phân quyền truy cập. Hệ thống lưu nhật ký giao dịch, xử lý văn bản phục vụ kiểm tra, giám sát, truy vết, lưu trữ theo quy định.

Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố được giao giúp ủy ban nhân dân thành phố điều phối, quản trị nghiệp vụ, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ người sử dụng và đánh giá việc triển khai, sử dụng Hệ thống trên địa bàn thành phố; chủ trì quản lý tài khoản người dùng, cơ sở dữ liệu danh bạ tổ chức, doanh nghiệp tham gia Hệ thống... Đồng thời, là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp khó khăn vướng mắc trong quá trình sử dụng Hệ thống và phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết; chủ trì xây dựng, trình ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, nền tảng công nghệ và vận hành ổn định Hệ thống; triển khai kết nối, liên thông dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin; nghiên cứu bổ sung tiêu chí đánh giá chuyển đổi số và phối hợp nâng cấp, phát triển Hệ thống.

Trong 30 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực phải hoàn thiện Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống. Từ ngày 01/8 đến 31/8/2026, triển khai mở rộng tại các sở, ban, ngành, Thuế thành phố Hà Nội và các cơ quan, đơn vị có phát sinh giao dịch điện tử thường xuyên với tổ chức, doanh nghiệp. Từ ngày 01/9 đến 30/9/2026, hoàn thành triển khai trên toàn thành phố; tổ chức đánh giá kết quả vận hành, thống kê các tỷ lệ về sử dụng, kết nối, văn bản điện tử và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: CHIẾN DỊCH 100 NGÀY HÀNH ĐỘNG XỬ LÝ 10 NHÓM ĐIỂM NGHÈN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ngày 22/7/2026, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 6580/UBND-VX về khẩn trương thực hiện Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị thành phố.

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao các sở, ban, ngành, Công an thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trung tâm chuyển đổi số thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 40-KH/BCĐTP ngày 13/7/2026 của Ban Chỉ đạo về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố (Kế hoạch số 40-KH/BCĐTP) để khẩn trương triển khai thực hiện theo quy định, bảo đảm theo mục tiêu, yêu cầu và thời gian hoàn thành.

Kế hoạch số 40-KH/BCĐTP mở đầu chiến dịch 100 ngày hành động tháo gỡ 10 điểm nghẽn chuyển đổi số. Thời gian thực hiện từ tháng 7/2026 đến hết ngày 30/11/2026.

Chiến dịch yêu cầu áp dụng nguyên tắc quản lý nghiêm ngặt “6 rõ - 1 xuyên suốt”. Cụ thể: Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả và xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện, kiểm tra, giám sát từ Trung ương đến cơ sở. Nhiệm vụ chỉ hoàn thành khi có sản phẩm và minh chứng kiểm chứng. Các hệ thống thông tin phải có dữ liệu thực tế và người sử dụng.

Kế hoạch số 40-KH/BCĐTP tập trung vào 10 nhóm vấn đề cốt lõi, bao gồm: Thẻ chế, hạ tầng số, dữ liệu, nền tảng và nhân lực...

Cụ thể về Thẻ chế và hạ tầng: Sở Khoa học và Công nghệ cùng các đơn vị tham mưu quy chế vận hành nền tảng dùng chung trước 30/8/2026. Khẩn trương đưa vào vận hành các thiết bị đầu cuối, thiết bị mạng, máy chủ sau mua sắm đồng bộ tại khối Đảng, khối Chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội... bảo đảm an toàn thông tin từ cấp thành phố đến cấp xã. Thành phố sẽ đưa vào vận hành thử nghiệm phần mềm Hệ thống thông tin lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, cơ quan Đảng thành phố: iCPV-TP. Hồ Chí Minh.

Về dữ liệu số: Trung tâm chuyển đổi số thành phố chủ trì xây dựng kho dữ liệu dùng chung 4 khối (khối Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể) trước 30/11/2026. Các sở ngành tập trung làm giàu dữ liệu đất đai, hộ tịch, sức khỏe. 13 cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành trọng điểm bắt buộc phải kết nối.

Về số hóa tài liệu: Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc cấp xã số hóa hồ sơ trước sáp nhập. Cấp Thành phố số hóa tài liệu quản lý 10 năm giai đoạn 2015-2025. Khối nhà nước số hóa 100% tài liệu lưu trữ 3 năm gần nhất. Toàn bộ công tác số hóa phải hoàn thành trước 30/9/2026.

Về thủ tục hành chính: Triển khai hiệu quả 4 thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử. Tái cấu trúc quy trình, lựa chọn tối thiểu 5 thủ tục ưu tiên để kiểm thử. Người dân không phải cung cấp lại dữ liệu đã có trong hệ thống.

Về kinh tế và xã hội số: Đo lường đóng góp kinh tế số/GRDP theo quý. Vận hành cổng thông tin hỗ trợ và tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phổ cập chuyển đổi số qua phong trào Bình dân học vụ số, Mùa hè số. Cùng cố Tổ công nghệ số cộng đồng và triển khai chữ ký số công cộng.

Nguồn: daibieunhandan.vn

CAO BẰNG DÙNG KPI SỐ HÓA ĐỂ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Cao Bằng triển khai bộ tiêu chí đánh giá cán bộ theo Quy định 366-QĐ/TW và Nghị định 335/2025/NĐ-CP, ứng dụng hệ thống KPI số hóa để lượng hóa kết quả công việc, nâng cao trách nhiệm và chất lượng phục vụ người dân.

Muốn đánh giá đúng cán bộ, trước hết phải có thước đo cụ thể. Đây là bài toán đặt ra khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp đi vào vận hành. Khối lượng công việc tăng nhưng yêu cầu về tiến độ, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng cao.

Tại Cao Bằng, toàn bộ quá trình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức đang từng bước được số hóa và lượng hóa bằng hệ thống KPI. Cao Bằng cũng là địa phương đầu tiên trong cả nước ban hành và công bố bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân theo Quy định số 366-QĐ/TW và Nghị định số 335/2025/NĐ-CP.

Mới đây, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng công bố triển khai bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị. Hệ thống do tỉnh phối hợp với Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam xây dựng, nhằm số hóa quy trình quản lý công việc và tạo cơ sở đánh giá bằng dữ liệu thay cho nhận xét chung chung. Mỗi nhiệm vụ được gắn với tiến độ, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng cá nhân, qua đó làm căn cứ cho đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo và tinh giản biên chế.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hòa An, mỗi cán bộ, công chức có một tài khoản riêng để kê khai nhiệm vụ, cập nhật tiến độ và tự đánh giá kết quả công việc. Lãnh đạo các phòng, bộ phận thực hiện đánh giá trên cùng hệ thống.

Ông Ban Lê Thùy, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hòa An cho biết, mỗi cán bộ công chức đều có tài khoản riêng để tự chấm điểm và đánh giá cho mỗi cá nhân. Các lãnh đạo cũng có phần đánh giá riêng cho từng phòng.

“Lần đầu triển khai nên ban đầu khi rà soát các nhiệm vụ, sản phẩm công việc cũng hơi ngỡ ngàng trong quá trình kê khai KPI. Tuy nhiên hiện tại mọi người đã biết cách để kê khai sản phẩm công việc, đầu ra của mình và KPI cũng đánh giá theo tiến độ thực tế. Tiến độ đến đâu, trên hệ thống đều ghi nhận như vậy, nên những chậm trễ, vượt, hoặc đạt đều ghi nhận từ thực tế, không sai lệch và rất chính xác. Tuy nhiên vẫn còn nội dung vướng như hệ thống KPI đánh giá vẫn còn thiếu sót, ví dụ như tiến độ xử lý công việc trên các hệ thống vẫn chưa tích hợp được hết, đánh giá chưa được chi tiết, cụ thể tất cả các đầu mối công việc của cá nhân từng đồng chí, từng phòng ban”, ông Ban Lê Thùy chia sẻ.

Đến nay, hệ thống đã được triển khai tại 16/16 sở, ban, ngành và 56/56 xã, phường của tỉnh. Cao Bằng đã tổ chức 10 lớp tập huấn cho lãnh đạo, công chức đầu mối và công chức chuyên môn. Sau giai đoạn vận hành ban đầu, phần mềm ghi nhận hơn 15.800 phiếu theo dõi công việc, trên 14.500 phiếu đánh giá cá nhân và hơn 23.000 nhiệm vụ của các tổ chức. Hơn 3.000 công chức đã được đưa vào diện theo dõi, đánh giá; trong 6 tháng đầu năm 2026 có hơn 8.100 lượt đánh giá được thực hiện.

Điểm đáng chú ý của hệ thống không nằm ở việc chấm thêm một loại điểm, mà ở việc thay đổi cách điều hành. Công việc được giao rõ người thực hiện, thời hạn hoàn thành và sản phẩm cuối cùng; kết quả đánh giá vì thế có căn cứ cụ thể hơn.

Ông Đàm Thế Trang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hòa An nhận xét, đây là áp lực cần thiết, đồng thời là động lực để mỗi cán bộ tự soi lại năng lực và trách nhiệm phục vụ người dân. Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân là bước chuyển quan trọng, giúp thay đổi cách điều hành, từ đánh giá cảm tính sang đánh giá bằng kết quả cụ thể.

Chuyển từ kiểm điểm cuối năm sang theo dõi thường xuyên

Dự kiến từ ngày 1/10/2026, hệ thống sẽ được triển khai trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của tỉnh. Cao Bằng đặt mục tiêu chuyển từ kiểm điểm cuối năm sang theo dõi thường xuyên; từ quản lý bằng kinh nghiệm sang quản trị bằng dữ liệu; từ đánh giá định tính sang đánh giá dựa trên kết quả, sản phẩm và minh chứng cụ thể.

Ông Hoàng Văn Đông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trà Lĩnh cho rằng đội ngũ cán bộ trẻ và khả năng tiếp cận công nghệ là thuận lợi để địa phương thích ứng với cách đánh giá mới. Nội dung này đã xác định rất rõ tinh thần chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh là quyết tâm, quyết liệt.

Việc triển khai hệ thống KPI cũng là một bước cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời đưa Quy định số 366-QĐ/TW và Nghị định số 335/2025/NĐ-CP vào thực tiễn.

Khi mỗi nhiệm vụ được theo dõi bằng dữ liệu và gắn với sản phẩm cụ thể, việc đánh giá cán bộ sẽ bớt phụ thuộc vào cảm tính. Quan trọng hơn, kết quả thực hiện công việc sẽ trở thành căn cứ để nâng cao trách nhiệm, cải thiện chất lượng điều hành và phục vụ người dân tốt hơn.

Nguồn: vov.vn

THÁI NGUYÊN: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THAM MUÙ VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Sáng ngày 21/7/2026, Đoàn kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên đã có buổi làm việc với Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Đoàn đã kiểm tra hồ sơ, tài liệu, việc thực hiện các quy định về công vụ, cải cách hành chính tại các phòng chuyên môn; kiểm tra việc ban hành văn bản, quản lý hồ sơ công việc, công tác văn thư, lưu trữ, việc thực hiện cơ chế một cửa, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các nội dung theo đề cương kiểm tra của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đến thời điểm kiểm tra, đơn vị đang triển khai 43 nhiệm vụ chuyên môn được giao trong năm 2026; trong đó 40 nhiệm vụ đang thực hiện đúng tiến độ, 3 nhiệm vụ chưa đến thời hạn thực hiện.

Đối với các nhiệm vụ được giao qua các thông báo kết luận của Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm cơ bản đã triển khai đầy đủ, bảo đảm tiến độ; nhiều nhiệm vụ về vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh, hệ thống IOC, nền tảng C-ThaiNguyen, bản đồ số và các dịch vụ sự nghiệp công được duy trì ổn định.

Trong lĩnh vực cải cách hành chính, 100% văn bản điện tử được ký số theo quy định; công tác lập hồ sơ điện tử, quản lý văn bản được Trung tâm thực hiện trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

Đơn vị cũng tích cực triển khai “Chiến dịch 100 ngày số hóa, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu”, tăng cường lập hồ sơ công việc và số hóa tài liệu theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đoàn kiểm tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh đã ghi nhận những kết quả đạt được; đồng thời đề nghị Trung tâm tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao

chất lượng tham mưu, hiệu quả thực thi công vụ và công tác cải cách hành chính, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong năm 2026.

Nguồn: baothainguyen.vn

BẮC NINH: 95,91% HỒ SƠ VÀ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỐ HÓA

Theo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Ninh, 6 tháng đầu năm, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã tiếp nhận gần 1,3 triệu hồ sơ. Trong đó Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận 412.359 hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã tiếp nhận 860.451 hồ sơ.

Đến nay, toàn tỉnh đã giải quyết hơn 99% số hồ sơ đã tiếp nhận; tỷ lệ giải quyết trước và đúng hạn đạt 98% ở cấp tỉnh và 99% ở cấp xã.

Đáng chú ý, công tác chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 95,91%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 95,93%; tỷ lệ tái sử dụng thông tin, dữ liệu từ hồ sơ đã được số hóa đạt 88,22%. Qua đó, giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân và tổ chức.

Thời gian tới, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; tập trung rà soát, chuẩn hóa, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ; đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và chi phí tuân thủ nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Đồng thời, phối hợp triển khai hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung từ Trung ương đến cấp xã; tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, hướng tới thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính. Bên cạnh đó, hoàn thành việc tham mưu xây dựng, ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: baobacninhvt.vn

THANH HÓA BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO 4 CHỈ SỐ

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa vừa ban hành Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 23/7/2026 về cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người

dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030.

Phấn đấu nâng cao điểm số PCI, cải thiện vị trí xếp hạng

Đối với Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), theo kế hoạch, tỉnh Thanh Hóa sẽ tiếp tục duy trì và cải thiện vị trí xếp hạng 4 tiêu chí thành phần có thứ hạng tốt và khá: Gia nhập thị trường; Chi phí không chính thức; Thiết chế pháp lý; Chi phí tuân thủ hành chính.

Tập trung nâng cao vị trí xếp hạng 5 tiêu chí thành phần có thứ hạng trung bình và thấp: Tính minh bạch; Cạnh tranh bình đẳng; Chính quyền kiến tạo; Hỗ trợ doanh nghiệp; Tiếp cận đất đai.

Phấn đấu hằng năm nâng cao điểm số PCI, cải thiện vị trí xếp hạng; duy trì trong nhóm khá của cả nước.

Hằng năm nâng cao điểm số và cải thiện thứ hạng BPI

Đối với Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI), tiếp tục cải thiện vị trí xếp hạng 5 tiêu chí thành phần có thứ hạng khá: Doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng trong 2 năm tới; Doanh nghiệp tư nhân tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI; Doanh nghiệp có lãi trong năm gần nhất; Doanh nghiệp liên kết chuỗi cung ứng với doanh nghiệp tư nhân trong nước; Tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động.

Tập trung nâng cao vị trí xếp hạng của 18 tiêu chí thành phần có thứ hạng trung bình và thấp; phấn đấu hằng năm nâng cao điểm số và cải thiện thứ hạng BPI, từng bước đưa Thanh Hóa vào nhóm khá của cả nước.

Đưa Chỉ số PAR INDEX và SIPAS vào top 10 cả nước

Đối với Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), tiếp tục duy trì và cải thiện vị trí xếp hạng 3 tiêu chí thành phần có thứ hạng tốt và khá: Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tài chính công; Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.

Tập trung nâng cao vị trí xếp hạng của 5 tiêu chí thành phần có thứ hạng trung bình và thấp: Tác động của cải cách hành chính đến người dân và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách thể chế.

Phấn đấu đưa Chỉ số PAR INDEX của tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Đối với Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), tập trung nâng cao vị trí xếp hạng của 9/9 tiêu chí thành phần có thứ hạng thấp: Trách nhiệm giải trình của cơ quan; Cơ hội tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách; Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách; Kết quả dịch vụ; Kết quả, tác động của chính sách; Thủ tục hành chính; Công chức; Tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị; Tiếp cận dịch vụ.

Phấn đấu đưa Chỉ số SIPAS của tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- 100% thủ tục hành chính được các sở, ban, ngành cấp tỉnh tham mưu công bố kịp thời, đúng quy định. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt từ 98% trở lên trong từng lĩnh vực; riêng lĩnh vực xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt từ 95% trở lên.
- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 97%; trong đó mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 92%.
- Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đến năm 2030 đạt tối thiểu 80%.
- 100% văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành hoặc có liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người dân, doanh nghiệp được tổ chức truyền thông, phổ biến theo quy định.
- Tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 100% phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, xử lý và trả lời đúng thời hạn.

Nguồn: baothanhhoa.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ VÀ TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC VỀ CHUYỂN ĐỔI

Chiều 23/7/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị và Tổng Công ty Viễn thông MobiFone ký kết thỏa thuận hợp tác về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030; qua đó hai bên cùng kiến tạo nền hành chính hiện đại và xã hội số lấy người dân làm trung tâm.

Theo thỏa thuận hợp tác, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị và Tổng Công ty Viễn thông MobiFone thống nhất triển khai hợp tác trên nhiều lĩnh vực trọng tâm, như: phát triển chính quyền số; xây dựng, kết nối và khai thác cơ sở dữ liệu; triển khai các nền tảng số, trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo phục vụ hành chính công; phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, mở rộng vùng phủ sóng 4G, từng bước triển khai 5G/6G; xây dựng đô thị thông minh; thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, du lịch, nông nghiệp; đồng thời phối hợp đào tạo nguồn nhân lực số, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân.

Thỏa thuận cũng đặt mục tiêu tăng cường nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới như: trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Blockchain, điện toán đám mây, Internet vạn vật (IoT)... phù hợp với từng lĩnh vực nhằm giải quyết các bài toán lớn của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Lê Hồng Vinh nhấn mạnh, thỏa thuận hợp tác với Tổng Công ty Viễn thông MobiFone là nền tảng quan trọng nhằm hiện thực hóa mục tiêu chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả trong giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo.

Đánh giá cao sự đồng hành của Tổng Công ty Viễn thông MobiFone nói chung và MobiFone Quảng Trị trong phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

thời gian qua, đồng chí Lê Hồng Vinh mong muốn MobiFone tiếp tục phối hợp, hỗ trợ tinh thần nhanh phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; xây dựng chính quyền số thực chất...

Tỉnh Quảng Trị cam kết sẽ tạo điều kiện thuận lợi nhất để Tổng Công ty Viễn thông MobiFone triển khai các dự án, chương trình hợp tác; đồng thời, đẩy mạnh cải cách hành chính, hỗ trợ thủ tục nhanh chóng, bố trí nguồn lực để bảo đảm quá trình chuyển đổi số được thực hiện hiệu quả.

Thiếu tướng Trương Sơn Lâm, Chủ tịch Tổng Công ty Viễn thông MobiFone khẳng định: Với nguồn lực, kinh nghiệm và trách nhiệm của một doanh nghiệp chủ lực trong lĩnh vực viễn thông-công nghệ thông tin quốc gia, doanh nghiệp cam kết sẽ đồng hành cùng tỉnh trong quá trình chuyển đổi số, góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị, từng bước đưa Quảng Trị trở thành một trong những địa phương đi đầu về ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế - xã hội.

Nguồn: nhandan.vn

ĐÀ NẴNG: NÂNG CAO SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

Mức độ hài lòng của người dân trong quá trình giao dịch hành chính không chỉ thể hiện qua cung cách phục vụ, đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục, mà đang đo lường bằng các chỉ số đánh giá chất lượng, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, gần dân.

Nỗ lực phục vụ nhân dân từ cơ sở

Bà Phạm Thị Mẫn (trú thôn Bình Yên, xã Thanh Bình) đến Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thanh Bình làm giấy khai sinh cho cháu nội theo ủy quyền. Những thiếu sót trong hồ sơ cũng như vướng mắc khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến đã được cán bộ tại đây cùng đoàn viên, thanh niên hướng dẫn, hỗ trợ khắc phục. Nhờ vậy, ngay trong buổi sáng, bà Mẫn đã nhận được giấy khai sinh cho cháu trong niềm vui và sự hài lòng về thái độ phục vụ.

Ông Nguyễn Ngọc Hà, Phó Giám đốc phụ trách trung tâm cho biết, để nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp, đơn vị luôn quán triệt cán bộ, công chức nâng cao tinh thần trách nhiệm. Đối với các hồ sơ thuộc lĩnh vực chứng thực, hộ tịch, thời gian trả kết quả được rút ngắn, nhiều trường hợp có thể nhận ngay trong ngày.

Tại phường Tam Kỳ, mục tiêu của địa phương không chỉ giải quyết hồ sơ đúng hạn mà còn tạo thuận lợi tối đa để người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công. Ông Bùi Tấn Công, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tam Kỳ cho biết, địa phương tập trung ứng dụng công nghệ số, đa dạng hóa các kênh hỗ trợ như: trợ lý AI về thủ tục hành chính; Zalo Mini App đa tiện ích kết nối chính quyền với người dân; mô hình FiveSS - 5 Sao cung cấp các dịch vụ dân sinh. Đến nay, địa phương đã tư vấn, hỗ trợ hàng nghìn lượt công dân thông qua email, Tổng đài 1022 và trợ lý AI.

Theo ông Bùi Tấn Công, việc triển khai các ứng dụng thông minh giúp người dân dễ dàng tra cứu, thực hiện thủ tục, giảm thời gian đi lại và hạn chế bổ sung hồ sơ nhiều lần. Kết quả,

trong 6 tháng đầu năm 2026, Bộ phận Một cửa phường tiếp nhận 6.440 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ thực hiện trực tuyến đạt 100%.

Không chỉ tiếp nhận tại trụ sở, nhiều địa phương còn chủ động đưa dịch vụ công đến tận thôn, tổ dân phố. Điển hình là mô hình “Dịch vụ công lưu động” tại xã Tam Anh. Qua 3 đợt triển khai, mô hình đã hỗ trợ hơn 300 người dân tại các thôn Xuân Tân, Xuân Ngọc và Đức Bó. Anh Huỳnh Minh Phát, Bí thư Đoàn Thanh niên xã Tam Anh, Tổ phó Tổ dịch vụ công lưu động cho biết, tổ hoạt động vào dịp cuối tuần để hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người khó khăn trong đi lại. Các thủ tục được hỗ trợ chủ yếu thuộc lĩnh vực tư pháp, hộ tịch, trợ cấp xã hội, định danh điện tử...

Tập trung khắc phục điểm nghẽn

Tính đến ngày 20/7/2026, ghi nhận trên hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia, Đà Nẵng đạt 96,51/100 điểm theo Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Kết quả này giúp thành phố tăng 26 bậc so với cuối năm 2025, vươn lên xếp thứ 8 toàn quốc. Sự bứt phá này phản ánh những chuyển biến rõ nét trong cải cách hành chính. Các yếu tố quyết định bao gồm: tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, rút ngắn thời gian giải quyết, đẩy mạnh số hóa và minh bạch toàn bộ quy trình trên môi trường điện tử. Đáng chú ý, chỉ số phục vụ của các sở, ngành đều đạt trên 90 điểm; các xã, phường đạt trên 94 điểm (riêng phường Hải Vân đạt 97,8 điểm).

Nhằm ghi nhận đánh giá khách quan, ngày 26/6, Sở Nội vụ thành phố đã công bố chính thức Hệ thống phần mềm khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng cung ứng dịch vụ công. Hệ thống cho phép người dân đánh giá trực tiếp ngay sau khi thực hiện thủ tục.

Đến nay, Sở Nội vụ đã cấu hình hệ thống hiển thị kết quả đánh giá của 15 sở, ban, ngành cùng 93 xã, phường. Số liệu ghi nhận từ ngày 23/3/2026 đến hết ngày 17/7/2026 có 42.512 lượt phản hồi, tỷ lệ hài lòng đạt 99,8%. Tuy nhiên, một số địa phương như xã Trà Tập, xã Trà Leng, xã Bến Hiên chưa ghi nhận số liệu người dân tham gia khảo sát.

Mặc dù tỷ lệ chưa hài lòng rất nhỏ, song kết quả khảo sát vẫn chỉ ra những mặt hạn chế. Cụ thể, người dân chưa hài lòng chủ yếu về: tiến độ giải quyết hồ sơ; thái độ phục vụ của cán bộ; việc phải liên hệ bổ sung nhiều lần và chất lượng dịch vụ công trực tuyến. Điều này thể hiện rõ tại những địa phương có lượng hồ sơ lớn, nhất là lĩnh vực đất đai. Ngoài ra, một số cơ sở dữ liệu chưa liên thông đã làm chậm quá trình xử lý của cán bộ, công chức.

Để giải quyết những điểm nghẽn này, ngày 15/7, Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 đã ban hành kế hoạch thực hiện “100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số”. Từ ngày 10/7 đến hết ngày 30/11/2026, thành phố đặt mục tiêu lọt vào nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước theo Bộ Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ.

Nguồn: baodanang.vn

ĐẮK LẮK QUYẾT LIỆT THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ THI HÀNH CÔNG VỤ

Tại hội nghị sơ kết nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tổ chức mới đây, Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk Trương Ngọc Tuấn cho biết: Trong 6 tháng đầu năm 2026, Sở Nội vụ đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 3 chỉ thị và 2 kế hoạch chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu về công tác cải cách hành chính. Trọng tâm là Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 6/2/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 24/4/2026 và Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 4/5/2026.

Triển khai công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo KPI

Theo báo cáo của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk, về cải cách thể chế, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 64 quyết định và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 13 nghị quyết quy phạm pháp luật, thực hiện quyết liệt việc xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

Về cải cách thủ tục hành chính, tỉnh đã công khai 1.814 thủ tục cấp tỉnh và 427 thủ tục cấp xã trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Kết quả giải quyết hồ sơ đúng hạn duy trì ở mức 97%.

Thực hiện rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không còn phù hợp; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bắt đầu thực hiện cơ chế “luồng xanh” trong một số lĩnh vực...

Đối với công tác cải cách tổ chức bộ máy và cải cách chế độ công vụ, thực hiện giao biên chế năm 2026; tổ chức kỳ kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận vào làm công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2026 đối với 301 thí sinh trúng tuyển, trong đó khối Đảng 81 thí sinh; khối Nhà nước 220 thí sinh; giải quyết chế độ tinh giản biên chế cho 75 trường hợp.

Về cải cách tài chính công, tỉnh tập trung sắp xếp, xử lý trụ sở, nhà đất và xe ô-tô dôi dư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công... Bên cạnh đó, Sở Nội vụ đã tập trung xây dựng và nâng cao chính quyền điện tử, chính quyền số, vận hành kho dữ liệu dùng chung và kết nối thành công với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đăng ký doanh nghiệp. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 83,64%, doanh thu từ thanh toán dịch vụ công trực tuyến đạt hơn 69 tỷ đồng. Sở Nội vụ tổ chức nhiều lớp tập huấn ứng dụng AI cho cán bộ, công chức, viên chức...

Đặc biệt, từ 1/7/2026, tỉnh triển khai công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo KPI, đến nay các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành các quyết định phê duyệt đơn vị sản phẩm, công việc chuẩn và danh mục sản phẩm, công việc dùng chung phục vụ công tác đánh giá công chức theo Nghị định số 335/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đồng thời, để bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong quá trình vận hành, đánh giá KPI, Sở Nội vụ đã phối hợp với VNPT tổ chức hội nghị tập huấn cho cán bộ, công chức làm công tác quản trị, vận hành và sử dụng hệ thống...

Nhiều địa phương trễ hạn giải quyết hồ sơ

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong 6 tháng đầu năm 2026, ngành Nội vụ tỉnh Đắk Lắk vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Việc kiện toàn tổ chức bộ máy và ổn định đội ngũ sau sắp xếp đơn vị hành chính, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tuy đã được triển khai tích cực nhưng chưa thật sự đồng bộ. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu cán bộ có chuyên môn sâu ở các lĩnh vực tài chính, ngân sách, đầu tư, đất đai, quy hoạch, công nghệ thông tin; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giữa các địa bàn chưa đồng đều, nhất là ở cấp xã. Năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một bộ phận cán bộ cơ sở còn hạn chế, trong khi khối lượng công việc sau sắp xếp tăng lên đáng kể, địa bàn quản lý rộng hơn, yêu cầu công việc cao hơn.

Việc thực hiện phân cấp, phân quyền trong một số lĩnh vực còn gặp khó khăn do có những nhiệm vụ đã được phân cấp nhưng công chức chuyên môn ở cơ sở chưa được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ, chưa có đủ kinh nghiệm xử lý, dẫn đến lúng túng trong triển khai, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết công việc.

Công tác cải cách hành chính của tỉnh tuy có chuyển biến nhưng chưa đồng đều giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; tình trạng hồ sơ giải quyết trễ hạn vẫn còn xảy ra tại một số đơn vị, địa phương.

Thực trạng này cho thấy, việc tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở cơ sở chưa đồng đều; hạ tầng kỹ thuật, kỹ năng số của cán bộ, công chức và khả năng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử ở một số nơi còn hạn chế.

Công tác giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức chịu tác động của quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy ở một số trường hợp còn chậm do vướng mắc về hướng dẫn, quy định thực hiện; việc phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong một số nội dung còn chưa thật sự nhịp nhàng, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hồ sơ, chế độ cho đối tượng.

Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả giải quyết công việc

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác nội vụ, khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nghiêm nguyên tắc “6 rõ, 1 xuyên suốt”; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả giải quyết công việc, nhất là tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn cao, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao kiểm điểm trách nhiệm cụ thể, yêu cầu xây dựng kế hoạch khắc phục theo lộ trình, có cam kết kết quả rõ ràng.

Giao các sở, ngành tiếp tục rà soát các nội dung đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã; nội dung nào chưa phù hợp với năng lực, điều kiện của cơ sở thì kịp thời điều chỉnh, hướng dẫn hoặc hỗ trợ chuyển tiếp, bảo đảm nguyên tắc phân cấp phải đi đôi với nguồn lực, con người, quy trình và công cụ thực hiện.

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan phối hợp rà soát nguyên nhân tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình thấp; có giải pháp đồng bộ về hạ tầng, phần mềm, chữ ký số, kỹ năng sử dụng hệ thống và hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan rà soát toàn bộ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết chế độ, chính sách; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, xin ý kiến các bộ, ngành Trung ương đối với những nội dung vượt thẩm quyền hoặc chưa có hướng dẫn cụ thể, bảo đảm quyền lợi chính đáng cho cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời ổn định tư tưởng đội ngũ trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương rà soát tổng thể vị trí việc làm, nhu cầu nhân lực của các cơ quan, đơn vị, nhất là cấp xã sau sắp xếp; ưu tiên bố trí, điều động, bổ sung cán bộ có chuyên môn về tài chính, đất đai, đầu tư, quy hoạch, công nghệ thông tin cho những địa bàn còn thiếu, yếu; đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ công chức cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Bên cạnh đó, các đơn vị chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra chuyên đề đối với các đơn vị có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn cao; yêu cầu xây dựng phương án khắc phục cụ thể theo từng lĩnh vực, từng địa phương, từng nhóm thủ tục hành chính; tiếp tục hướng dẫn các cơ quan, đơn vị vận hành thống nhất trên toàn tỉnh; gắn kết quả đánh giá KPI với xếp loại cán bộ, công chức, thi đua, khen thưởng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm và xem xét trách nhiệm công vụ, qua đó tạo chuyển biến thực chất trong nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm vụ.

Nguồn: nhandan.vn

ĐỒNG NAI: NÂNG CAO NĂNG LỰC SỐ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đang bước sang giai đoạn đòi hỏi cao hơn về chất lượng vận hành. Mục tiêu không chỉ là bộ máy tinh gọn mà còn phải hoạt động với hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả ngày càng cao.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, một trong những yếu tố quyết định vẫn là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trong bối cảnh khối lượng công việc ngày càng lớn, yêu cầu giải quyết công việc nhanh hơn, chính xác hơn, nhiều cán bộ, công chức, viên chức phải đảm nhận cùng lúc nhiều nhiệm vụ, việc nâng cao năng lực số không còn là lựa chọn mà đã trở thành yêu cầu tất yếu. Đây cũng là giải pháp căn cơ giúp nâng cao năng suất lao động, giảm áp lực công việc và nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Nhận thức rõ yêu cầu đó, Đồng Nai đã triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Các lớp tập huấn ứng dụng phần mềm trong công

tác, đào tạo kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), cùng với việc triển khai sâu rộng phong trào Bình dân học vụ số đã từng bước trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức những kiến thức và kỹ năng cần thiết để khai thác hiệu quả các nền tảng số trong thực thi công vụ. Qua đó góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao chất lượng giải quyết công việc và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

Đặc biệt, việc thành phố phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 đã thể hiện quyết tâm xây dựng đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đề án hướng tới hình thành nguồn nhân lực chuyển đổi số có cơ cấu đồng bộ, đủ năng lực vận hành chính quyền địa phương 2 cấp theo hướng hiện đại; đồng thời tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số. Mục tiêu đến năm 2030 là 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, phân tích dữ liệu, an toàn thông tin mạng; có kiến thức về chuyển đổi số và sử dụng thành thạo các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

Bên cạnh đó, việc nhiều phường, xã chủ động tổ chức tập huấn ứng dụng AI trong các nhiệm vụ thường xuyên như: soạn thảo văn bản, xây dựng kế hoạch, tổng hợp báo cáo; phương pháp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số và nâng cao nhận thức về an toàn thông tin... đã từng bước giúp cán bộ, công chức, viên chức cấp xã sử dụng thành thạo các ứng dụng AI trong giải quyết công việc. Việc này không chỉ giúp giảm tải công việc cho cán bộ, công chức, viên chức mà còn mang đến sự thuận tiện, minh bạch cho người dân, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính nên cần được nhân rộng triển khai ở các phường, xã trên địa bàn.

Có thể nói, việc chú trọng giải quyết các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong tiến trình đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh.

Do đó, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh, có năng lực, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đồng thời thành thạo kỹ năng số và làm chủ công nghệ chính là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng quản trị nhà nước trong giai đoạn mới. Đây không chỉ là yêu cầu trước mắt nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp mà còn là nền tảng lâu dài để xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kiến tạo và phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

Nguồn: baodongnai.com.vn

AN GIANG: KHƠI THÔNG ĐIỂM NGHẼN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Dù đã rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách hành chính, tỉnh An Giang vẫn đối mặt nhiều điểm nghẽn về hạ tầng và thực tiễn. Với mục tiêu lấy sự hài

lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo, tỉnh đang chuyển mạnh tư duy từ quản lý sang phục vụ.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Mỹ Thới, không khí làm việc khẩn trương. Hàng chục người dân đến làm thủ tục chứng thực, hộ tịch, đất đai. Dù công chức hướng dẫn liên tục nhưng nhiều người lớn tuổi vẫn bối rối khi thao tác trên điện thoại thông minh để thực hiện thủ tục hành chính.

Tại phường Long Xuyên, một trong những địa phương có lượng hồ sơ hành chính lớn nhất tỉnh, áp lực giải quyết công việc mỗi ngày đè nặng. Các lĩnh vực đất đai, hộ tịch, chứng thực, bảo trợ xã hội luôn trong tình trạng quá tải. Bà Đoàn Thị Hương Hà - Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Long Xuyên cho biết: “Khó khăn lớn nhất hiện nay là khối lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết lớn. Một số thủ tục, nhất là lĩnh vực đất đai, bảo trợ xã hội còn phụ thuộc quá trình xác minh liên ngành nên có lúc ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân. Dù chuyển đổi số đạt nhiều kết quả nhưng một bộ phận người dân chưa thành thạo kỹ năng số, công chức phải cầm tay chỉ việc. Hạ tầng và phần mềm chuyên ngành đôi lúc chưa đồng bộ làm phát sinh thời gian xử lý”.

Áp lực đối với bộ máy cơ sở tăng khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Công chức cấp xã cùng lúc phải “gánh” nhiều nhiệm vụ mới: Vừa tiếp nhận, số hóa hồ sơ vừa hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, trả kết quả điện tử và vận hành đồng thời nhiều hệ thống phần mềm chuyên ngành. Trong khi đó, nguồn nhân lực chuyên môn, kỹ năng số, thiết bị, đường truyền tại một số nơi vẫn còn thiếu và yếu.

Nhìn vào những con số thống kê, không thể phủ nhận nỗ lực và quyết tâm rất lớn của tỉnh. Tỉnh công bố 174 quyết định danh mục với 1.968 thủ tục hành chính; ban hành 46 quyết định về quy trình nội bộ với 697 quy trình. Đáng chú ý, có 1.387 thủ tục hành chính được cắt giảm 50% thời gian giải quyết và 135 thủ tục giảm 30% thời gian. Phương châm “6 rõ” được quán triệt sâu rộng.

Tuy nhiên, bức tranh cải cách hành chính xuất hiện những khoảng trầm lắng suy ngẫm. Dù tỷ lệ điểm lĩnh vực thủ tục hành chính đạt cao nhưng chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh vẫn xếp thứ 31/34 và chỉ số hài lòng (SIPAS) xếp 27/34. Sự “lệch pha” này phản ánh thực tế chỉ số định lượng nội bộ chưa đồng điệu với cảm nhận thực tế của người dân và doanh nghiệp.

Phân tích từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cho thấy nguyên nhân một phần đến từ những bất cập kỹ thuật mang tính hệ thống. Khi Cổng Dịch vụ công quốc gia chuyển sang vận hành tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia, dữ liệu cũ trước ngày 31/5/2026 chưa trích xuất đầy đủ khiến công tác theo dõi dữ liệu gặp khó khăn. Các lỗi phát sinh về thanh toán trực tuyến, đồng bộ trạng thái hồ sơ, lỗi kết nối với hệ thống của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính... gây phiền hà cho người dân và bộ máy vận hành.

Nhiều địa phương tại An Giang chủ động tìm giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn bằng sự tận tâm với nhân dân. Mô hình “Hỗ trợ người yếu thế thực hiện thủ tục hành chính” tại phường Mỹ Thới là điểm sáng. Theo bà Vương Mai Trinh - Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

phường Mỹ Thới, mô hình hướng đến người cao tuổi, người khuyết tật, gia đình chính sách, những người gặp khó khăn trong đi lại... Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công phường phối hợp lực lượng công an, Đoàn Thanh niên, tổ công nghệ số cộng đồng đến tận nhà hoặc văn phòng khám để hướng dẫn, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến VNeID mức độ 2, làm thủ tục chứng thực, hộ tịch, trợ cấp xã hội.

Để giải quyết tận gốc các điểm nghẽn, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đưa ra các nhóm giải pháp trọng tâm gồm kiểm soát chặt chẽ hồ sơ quá hạn theo từng ngày, từng đơn vị; gắn trách nhiệm người đứng đầu với phương châm “tiếp nhận nhanh, phân loại đúng, xử lý dứt điểm, trả lời rõ trách nhiệm”; thực hiện nghiêm việc xin lỗi cá nhân, tổ chức khi trễ hạn; khai thác tái sử dụng dữ liệu để tuyệt đối không yêu cầu dân cung cấp lại giấy tờ đã số hóa.

Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hồ Văn Mừng nhấn mạnh: “Điều tỉnh hướng tới là xây dựng nền hành chính phục vụ, trong đó mọi hoạt động của bộ máy đều hướng đến lợi ích của người dân và doanh nghiệp, lấy mức độ hài lòng của người dân làm thước đo”.

Cải cách hành chính không chỉ đơn thuần là việc áp dụng máy móc, phần mềm hay cắt giảm vài ngày giải quyết trên giấy tờ mà cốt lõi là sự chuyển biến trong tư duy phục vụ của từng cán bộ, công chức. Khi mỗi công chức trong bộ máy công quyền coi khó khăn của dân như khó khăn của mình, khi từng lỗi hệ thống được rà soát và khắc phục triệt để những điểm nghẽn sẽ dần được khơi thông.

Nguồn: baoangiang.com.vn

NÂNG CAO HIỆU SUẤT LÀM VIỆC CỦA CÔNG CHỨC CẤP XÃ THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở. Trên cơ sở phân tích quan điểm của Đảng, đánh giá thực trạng hiệu suất làm việc của công chức cấp xã hiện nay, bài viết đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và phục vụ Nhân dân.

Đặt vấn đề

Cấp xã là cấp chính quyền gần dân nhất, trực tiếp nhất và thường xuyên nhất. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước dù đúng đắn đến đâu cũng chỉ có thể đi vào cuộc sống thông qua tổ chức thực hiện ở cơ sở. Trong đó, công chức cấp xã giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi họ là lực lượng trực tiếp tham mưu, xử lý thủ tục hành chính, quản lý nhà nước trên địa bàn, tiếp xúc với Nhân dân, giải quyết yêu cầu hằng ngày của người dân và doanh nghiệp.

Đại hội XIV của Đảng đặt ra yêu cầu xây dựng hệ thống quản lý nhà nước, quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, phục vụ và kiến tạo phát triển; xây dựng chính phủ số, chính quyền số; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Các định hướng này được nhiều công trình phân tích như một điểm nhấn quan trọng của Văn kiện Đại hội XIV về đổi mới quản trị quốc gia.

Trong bối cảnh đó, nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã không chỉ là yêu cầu kỹ thuật quản trị nhân sự, mà là vấn đề chính trị - hành chính quan trọng, trực tiếp liên quan đến hiệu lực, hiệu quả của chính quyền cơ sở, chất lượng phục vụ Nhân dân, niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và năng lực thực thi của nền hành chính.

Đặc biệt, khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp được triển khai, cấp xã, phường, đặc khu được trao thêm quyền hạn, trách nhiệm và phải chủ động hơn trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cung ứng dịch vụ công. Vì vậy, nghiên cứu nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

1. Một số quan điểm của Đảng về nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã theo tinh thần Đại hội XIV

Chính quyền cấp xã là cấp chính quyền gần dân nhất, trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giải quyết phần lớn các nhu cầu thiết yếu của người dân. Trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, yêu cầu

xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và phục vụ Nhân dân đặt ra đòi hỏi ngày càng cao đối với chất lượng, năng lực và hiệu suất làm việc của đội ngũ công chức cấp xã.

Hiệu suất làm việc của công chức cấp xã có thể hiểu là mức độ đạt được kết quả thực thi công vụ so với nguồn lực, thời gian, thẩm quyền, điều kiện làm việc và yêu cầu nhiệm vụ được giao. Hiệu suất không chỉ được đo bằng số lượng hồ sơ giải quyết, mà còn bằng chất lượng tham mưu, mức độ hài lòng của người dân, tính đúng pháp luật, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ, khả năng phối hợp, mức độ ứng dụng công nghệ số và năng lực xử lý tình huống ở cơ sở.

Hiệu suất làm việc của công chức cấp xã có thể được xem xét trên các phương diện sau: Một là, hiệu suất về kết quả công việc, thể hiện ở mức độ hoàn thành nhiệm vụ, số lượng và chất lượng hồ sơ được giải quyết, tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, khả năng xử lý công việc phát sinh. Hai là, hiệu suất về thời gian, thể hiện ở khả năng rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm chờ đợi, giảm đi lại, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. Ba là, hiệu suất về chất lượng phục vụ, thể hiện ở thái độ văn minh, trách nhiệm, tận tụy, tôn trọng Nhân dân, hướng dẫn rõ ràng, giải thích đúng pháp luật, không gây phiền hà, sách nhiễu. Bốn là, hiệu suất về năng lực số, thể hiện ở khả năng sử dụng hệ thống phần mềm, dịch vụ công trực tuyến, dữ liệu dân cư, chữ ký số, hồ sơ điện tử, nền tảng quản lý văn bản và điều hành. Năm là, hiệu suất về trách nhiệm công vụ, thể hiện ở ý thức kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm giải trình, tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Như vậy, hiệu suất làm việc của công chức cấp xã là khái niệm tổng hợp, kết hợp giữa năng lực, động lực, điều kiện làm việc, cơ chế quản lý và văn hóa công vụ.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả, phục vụ và kiến tạo phát triển; xây dựng Chính phủ số, chính quyền số và nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Đây là định hướng chính trị quan trọng tác động trực tiếp đến yêu cầu nâng cao hiệu suất làm việc của đội ngũ công chức cấp xã trong giai đoạn hiện nay.

Đại hội XIV đồng thời xác định tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và cấp cơ sở, có tư duy đổi mới, năng lực quản trị tiên tiến, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Quan điểm này cho thấy Đảng không chỉ đặt ra yêu cầu về phẩm chất chính trị và đạo đức công vụ mà còn đặc biệt nhấn mạnh năng lực thực thi, khả năng thích ứng và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong điều kiện phát triển mới của đất nước.

Trong bối cảnh đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phân định rõ thẩm quyền, tăng cường trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực. Điều này đòi hỏi công chức cấp xã phải nâng cao năng lực thực thi công vụ, chủ động hơn trong giải quyết công việc và chịu trách nhiệm rõ ràng hơn đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Một điểm nhấn quan trọng trong Văn kiện Đại hội XIV là yêu cầu đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xây dựng chính quyền số và xã hội số. Trong điều kiện đó, công chức cấp xã không chỉ cần đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn mà còn phải có năng lực số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng làm việc trong môi trường điện tử. Hiệu suất làm việc của công chức cấp xã vì vậy ngày càng gắn chặt với khả năng khai thác dữ liệu, sử dụng nền tảng số và đổi mới phương thức thực thi công vụ.

Đại hội XIV cũng tiếp tục khẳng định yêu cầu xây dựng nền công vụ phục vụ Nhân dân, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của hoạt động quản lý nhà nước. Theo đó, hiệu suất làm việc của công chức không chỉ được đo bằng khối lượng công việc hoàn thành mà còn phải được đánh giá thông qua chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân và hiệu quả thực tế của hoạt động quản lý nhà nước ở cơ sở.

Bên cạnh những định hướng chiến lược nêu trên, Đại hội XIV cũng đặt ra yêu cầu khắc phục tình trạng né tránh trách nhiệm, sợ sai, làm việc cầm chừng trong một bộ phận cán bộ, công chức hiện nay; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám đổi mới vì lợi ích chung. Đây là cơ sở quan trọng nhằm tạo động lực đổi mới sáng tạo, nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu suất làm việc của công chức cấp xã trong thực thi công vụ.

Như vậy, quan điểm của Đảng tại Đại hội XIV đã đặt ra những yêu cầu toàn diện đối với đội ngũ công chức cấp xã cả về phẩm chất chính trị, đạo đức công vụ, năng lực chuyên môn, năng lực số, tư duy đổi mới và trách nhiệm phục vụ Nhân dân. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã trong điều kiện xây dựng nền hành chính hiện đại và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay.

2. Bối cảnh mới, áp lực mới và những kết quả bước đầu về hiệu suất làm việc của công chức cấp xã

2.1. Bối cảnh mới tác động đến hiệu suất làm việc của công chức cấp xã

Từ ngày 01/7/2025, Việt Nam vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp gồm cấp tỉnh và cấp xã, thay cho mô hình 3 cấp trước đây. Đây là thay đổi có tính cải cách sâu rộng về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương, hướng tới mục tiêu tinh gọn tổ chức, giảm tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và phục vụ Nhân dân tốt hơn. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025 thể hiện tư duy đổi mới quản trị địa phương theo hướng hiện đại, kiến tạo phát triển, tháo gỡ điểm nghẽn và phân định rõ thẩm quyền giữa các cấp chính quyền.

Trước hết, việc tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp làm thay đổi căn bản vị trí, vai trò của cấp xã. Nếu trước đây cấp xã chủ yếu là cấp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý hành chính cơ sở, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra thường xuyên của cấp huyện, thì trong mô hình mới, cấp xã trở thành cấp chính quyền trực tiếp đảm nhận nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước trước đây thuộc cấp huyện. Bối cảnh này tác động trực tiếp đến hiệu suất làm việc của công chức

cấp xã ở nhiều phương diện. Trước hết là sự gia tăng mạnh về khối lượng, phạm vi và mức độ phức tạp của công việc. Qua rà soát có 474 nhiệm vụ được quy định trong 104 luật, 249 nghị định, thông tư cần phân cấp hoặc phân định lại; dự kiến phân cấp 140 nhiệm vụ cho địa phương, phân định lại thẩm quyền chính quyền cấp xã với khoảng 300 nhiệm vụ, cùng với 90/99 nhiệm vụ đang nằm trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành. Điều này cho thấy công chức cấp xã không chỉ giải quyết các thủ tục hành chính thông thường mà còn phải tiếp nhận nhiều nhiệm vụ chuyên môn phức tạp hơn về đất đai, xây dựng, quy hoạch, môi trường, tài chính, an sinh xã hội, hộ tịch, tư pháp, trật tự đô thị, nông nghiệp, chuyển đổi số và quản lý dân cư.

Thứ hai, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp làm thay đổi yêu cầu về năng lực của công chức cấp xã. Trong điều kiện không còn cấp huyện trung gian, công chức cấp xã phải có năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện, phối hợp liên ngành, xử lý tình huống và chịu trách nhiệm trực tiếp cao hơn. Hiệu suất làm việc vì vậy không thể chỉ được đánh giá bằng số lượng hồ sơ đã giải quyết, mà phải được nhìn nhận trên cơ sở chất lượng tham mưu, tiến độ xử lý, tính đúng pháp luật, mức độ hài lòng của người dân, khả năng phối hợp và trách nhiệm giải trình. Đây là sự chuyển dịch từ “hiệu suất hành chính” sang “hiệu suất quản trị công”.

Thứ ba, việc mở rộng quy mô đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp làm thay đổi không gian phục vụ và áp lực công việc của công chức. Nhiều xã mới có diện tích rộng hơn, dân số đông hơn, địa bàn quản lý phức tạp hơn. Điều này khiến công chức cấp xã phải phục vụ số lượng người dân lớn hơn, giải quyết nhiều loại nhu cầu hơn, đồng thời phải bảo đảm tính liên tục, thông suốt của dịch vụ công. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 90/CD-TTg ngày 17/6/2025 về bảo đảm thủ tục hành chính thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn khi sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Điều này cho thấy yêu cầu duy trì hiệu suất làm việc ổn định trong giai đoạn chuyển tiếp là nhiệm vụ rất cấp thiết.

Thứ tư, bối cảnh mới đặt ra áp lực lớn về bố trí, sắp xếp và sử dụng đội ngũ công chức cấp xã. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, số lượng, cơ cấu và vị trí việc làm của công chức cấp xã có nhiều thay đổi. Bộ Nội vụ đã có hướng dẫn về sắp xếp, bố trí công chức cấp xã mới, cho thấy vấn đề nhân sự là một khâu trọng yếu để bảo đảm vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. Nếu bố trí công chức không phù hợp với chuyên môn, năng lực và vị trí việc làm thì hiệu suất công vụ sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp; ngược lại, nếu thực hiện tốt nguyên tắc “chọn người theo việc”, cấp xã có thể phát huy tốt hơn năng lực của đội ngũ sau sắp xếp.

Thứ năm, chuyển đổi số trở thành điều kiện bắt buộc để nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã. Khi cấp xã tiếp nhận thêm nhiều nhiệm vụ, nếu vẫn vận hành chủ yếu bằng phương thức thủ công thì dễ dẫn đến quá tải, chậm trễ và sai sót. Do đó, công chức cấp xã phải sử dụng thành thạo hệ thống quản lý văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến, cơ sở dữ liệu dân cư, chữ ký số, hồ sơ điện tử và các nền tảng điều hành số. Chuyển đổi số không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là phương thức tổ chức lại quy trình công vụ, giúp giảm thời gian xử lý, tăng tính minh bạch và nâng cao khả năng giám sát hiệu quả làm việc.

Thứ sáu, mô hình mới làm tăng yêu cầu về trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực ở cấp xã. Khi thẩm quyền được phân cấp mạnh hơn, quyền quyết định của chính quyền cấp xã và công chức tham mưu cũng lớn hơn. Điều này đòi hỏi công chức cấp xã phải tuân thủ nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy trình pháp luật và chuẩn mực đạo đức công vụ. Hiệu suất làm việc trong bối cảnh này không thể tách rời tính liêm chính, minh bạch và trách nhiệm cá nhân. Một quyết định nhanh nhưng sai pháp luật, thiếu công khai hoặc gây phiền hà cho người dân không thể được coi là có hiệu suất cao.

Thứ bảy, bối cảnh mới làm nổi rõ sự khác biệt về điều kiện thực thi công vụ giữa các địa phương. Những địa phương có hạ tầng số tốt, đội ngũ công chức được đào tạo bài bản, cơ sở vật chất đầy đủ sẽ có khả năng thích ứng nhanh hơn. Ngược lại, các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng, dân cư phân tán, thiếu công chức chuyên môn hoặc hạ tầng công nghệ yếu sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Thực tế tại một số địa phương cho thấy sau ngày 01/7/2025, có xã thiếu nhiều công chức chuyên môn, trong đó có các lĩnh vực quan trọng như lâm nghiệp, xây dựng, giao thông, quy hoạch, công nghệ thông tin và y tế. Đây là yếu tố tác động trực tiếp đến khả năng duy trì hiệu suất làm việc ổn định của công chức cấp xã.

Thứ tám, yêu cầu phục vụ người dân ngày càng cao cũng là một nhân tố quan trọng của bối cảnh mới. Khi chính quyền cấp xã được trao nhiều thẩm quyền hơn, người dân kỳ vọng nhiều hơn vào khả năng giải quyết công việc nhanh chóng, đúng pháp luật, thuận tiện và minh bạch ngay tại cơ sở. Vì vậy, công chức cấp xã phải chuyển mạnh từ tư duy “giải quyết theo thủ tục” sang tư duy “phục vụ và kiến tạo giá trị công”. Hiệu suất làm việc không chỉ được đo bằng tốc độ xử lý hồ sơ mà còn bằng mức độ hài lòng, sự tin cậy của người dân và khả năng giảm chi phí tuân thủ cho cá nhân, tổ chức.

Từ những phân tích trên có thể thấy, bối cảnh chính quyền địa phương 2 cấp đã tạo ra sự thay đổi căn bản đối với hiệu suất làm việc của công chức cấp xã. Cấp xã không còn chỉ là cấp hành chính cơ sở theo nghĩa truyền thống, mà trở thành cấp chính quyền trực tiếp, toàn diện, gần dân nhất và chịu trách nhiệm lớn hơn trong quản trị địa phương. Vì vậy, nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã hiện nay phải được đặt trong tổng thể các yêu cầu về nâng cao năng lực chuyên môn, chuẩn hóa vị trí việc làm, tăng cường kỹ năng số, đổi mới phương pháp đánh giá công vụ, bảo đảm nguồn lực thực thi, tăng trách nhiệm giải trình và xây dựng văn hóa công vụ phục vụ Nhân dân.

2.2. Những áp lực mới đối với hiệu suất làm việc của công chức cấp xã

Bên cạnh kết quả bước đầu, giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến nay cũng cho thấy nhiều hạn chế và áp lực mới tác động trực tiếp đến hiệu suất làm việc của công chức cấp xã.

Một là, áp lực tăng mạnh về khối lượng, phạm vi và độ phức tạp của công việc. Trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, địa bàn cấp xã sau sắp xếp thường rộng hơn, dân số đông hơn, số lượng hồ sơ và nhu cầu phục vụ đa dạng hơn. Đồng thời, nhiều nhiệm vụ trước đây do cấp huyện thực hiện nay được chuyển xuống cấp xã. Điều này làm cho công chức cấp xã không chỉ xử lý các thủ tục hành chính thông thường mà còn phải tham mưu, giải quyết

những lĩnh vực phức tạp hơn như đất đai, xây dựng, quy hoạch, tài nguyên - môi trường, tài chính, chuyển đổi số và an sinh xã hội.

Hai là, tình trạng thiếu công chức chuyên môn ở cấp xã là áp lực rất rõ. Tại Quảng Trị, sau hơn một tháng vận hành mô hình mới, nhiều xã thiếu cán bộ chuyên môn trong các lĩnh vực tài nguyên môi trường, kinh tế - tài chính, khoa học - công nghệ; tỉnh phải tính đến phương án cử cán bộ chuyên môn cấp tỉnh về xã hỗ trợ. Có xã sau ngày 01/7/2025 thiếu tới 14 cán bộ, công chức; nhiều lĩnh vực quan trọng như lâm nghiệp, xây dựng, giao thông, quy hoạch, công nghệ thông tin, y tế không có cán bộ phụ trách. Đây là dẫn chứng trực tiếp cho thấy yêu cầu công việc tăng nhưng nguồn nhân lực chuyên môn chưa đáp ứng tương xứng.

Ba là, năng lực thực thi công vụ của công chức cấp xã chưa đồng đều so với yêu cầu mới. Khi cấp xã được giao thêm nhiều thẩm quyền, công chức phải có kiến thức pháp luật, chuyên môn ngành, kỹ năng hành chính, kỹ năng số và khả năng xử lý tình huống phức tạp. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều công chức cấp xã vốn quen với nhiệm vụ hành chính cơ sở theo mô hình cũ, chưa được đào tạo đầy đủ để tiếp nhận những nhiệm vụ có tính kỹ thuật cao. Điều này có thể dẫn đến tình trạng lúng túng, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ hoặc phải xin ý kiến nhiều lần, làm giảm hiệu suất thực tế.

Bốn là, áp lực chuyển đổi số ngày càng lớn nhưng hạ tầng và kỹ năng số chưa đồng đều. Một mặt, mô hình mới đòi hỏi công chức cấp xã phải làm việc trên môi trường điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cơ sở dữ liệu dân cư, chữ ký số và hệ thống quản lý văn bản. Mặt khác, một số phản ánh cho thấy hạ tầng công nghệ thông tin từ trung ương đến địa phương còn thiếu đồng bộ, gây khó khăn trong liên thông và chưa bảo đảm dịch vụ công toàn trình ở mọi nơi. Do đó, chuyển đổi số vừa là công cụ nâng cao hiệu suất, vừa là áp lực lớn đối với những xã thiếu thiết bị, thiếu nhân lực công nghệ thông tin hoặc người dân còn hạn chế kỹ năng số.

Năm là, quá trình phân cấp, phân quyền làm tăng trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm giải trình của công chức cấp xã. Khi thẩm quyền được chuyển xuống cơ sở, công chức cấp xã phải tham mưu đúng, xử lý đúng và chịu trách nhiệm trực tiếp hơn đối với kết quả công việc. Trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, xây dựng, môi trường, hộ tịch, chính sách xã hội, nếu năng lực chuyên môn không vững hoặc quy trình chưa thống nhất, nguy cơ sai sót, chậm trễ, dùn đẩy trách nhiệm có thể gia tăng. Vì vậy, hiệu suất làm việc trong mô hình mới không chỉ là “làm nhanh” mà phải là “làm đúng, làm chắc, làm minh bạch và chịu trách nhiệm”.

Sáu là, áp lực tâm lý và thích ứng tổ chức của đội ngũ công chức cấp xã cũng là vấn đề đáng chú ý. Sắp xếp đơn vị hành chính, thay đổi nơi làm việc, thay đổi chức năng nhiệm vụ, thay đổi lãnh đạo, thay đổi quy trình xử lý công việc và yêu cầu tiếp nhận nhiệm vụ mới đều tác động đến tâm lý công chức. Trong giai đoạn chuyển tiếp, một bộ phận công chức có thể rơi vào trạng thái quá tải, lo lắng về vị trí việc làm, hoặc chưa kịp thích nghi với phương thức vận hành mới. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, chất lượng và thái độ phục vụ.

Bảy là, vẫn tồn tại nguy cơ chênh lệch hiệu suất giữa các địa phương. Những xã ở đô thị, đồng bằng, có hạ tầng số tốt, đội ngũ công chức trẻ, được đào tạo bài bản có khả năng thích

ứng nhanh hơn. Ngược lại, xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng, dân cư phân tán, thiếu công chức chuyên môn và hạ tầng công nghệ yếu sẽ chịu áp lực lớn hơn. Vì vậy, nếu không có cơ chế hỗ trợ phân hóa theo đặc thù địa bàn, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp có thể tạo ra khoảng cách mới về chất lượng phục vụ giữa các xã.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định: giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến nay là giai đoạn vừa vận hành, vừa điều chỉnh, vừa hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Hiệu suất làm việc của công chức cấp xã đã có những chuyển biến tích cực nhờ giảm tầng nấc trung gian, tăng phân quyền và thúc đẩy chuyển đổi số; tuy nhiên cũng chịu áp lực lớn từ khối lượng công việc tăng, thiếu nhân lực chuyên môn, yêu cầu năng lực mới, hạ tầng số chưa đồng bộ và trách nhiệm giải trình cao hơn. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã trong giai đoạn tiếp theo.

2.3. Những kết quả tích cực bước đầu về hiệu suất làm việc của công chức cấp xã

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã tạo ra một số chuyển biến bước đầu đối với hiệu suất làm việc của công chức cấp xã. Những kết quả này chưa thể coi là ổn định lâu dài, nhưng có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn chuyển tiếp.

Trước hết, hoạt động của chính quyền cấp xã về cơ bản được duy trì thông suốt, không để xảy ra gián đoạn lớn trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Ngay trong những ngày đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, các trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã vẫn duy trì hoạt động liên tục. Ngay trong ngày đầu tiên chính quyền hai cấp đi vào hoạt động 01/7/2025, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 57%, hồ sơ nộp trực tiếp chiếm 43%. Những số liệu này cho thấy hệ thống hành chính cơ sở đã bước đầu thích ứng với phương thức vận hành mới và yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động công vụ.

Thứ hai, mô hình 2 cấp góp phần rút ngắn tầng nấc trung gian, tăng tính chủ động cho cấp xã. Khi không còn cấp huyện, nhiều công việc được chuyển trực tiếp về cấp xã xử lý, làm cho công chức cấp xã có điều kiện tiếp cận nhanh hơn với yêu cầu thực tiễn của người dân. Đây là tiền đề để nâng cao hiệu suất làm việc theo hướng “gần dân, sát dân, giải quyết việc tại cơ sở”, thay vì phụ thuộc nhiều vào quy trình chuyển cấp như trước đây.

Thứ ba, phạm vi tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được mở rộng theo hướng thuận lợi hơn cho người dân. Theo quy định mới, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã được hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ để thực hiện tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh, đồng thời tham mưu nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số cho UBND cấp xã. Đây là điểm mới quan trọng, vì hiệu suất làm việc của công chức cấp xã không chỉ được đo bằng số lượng hồ sơ xử lý mà còn bằng khả năng tạo thuận lợi, giảm chi phí thời gian và chi phí đi lại cho người dân.

Thứ tư, chuyển đổi số được thúc đẩy mạnh hơn ở cấp xã. Việc chỉ còn một Cổng Dịch vụ công quốc gia thay vì 63 cổng địa phương như trước giúp tạo nền tảng thống nhất để người dân nộp hồ sơ trực tuyến từ bất cứ đâu, qua máy tính hoặc điện thoại có kết nối Internet. Đối với công chức cấp xã, đây là điều kiện để giảm thao tác thủ công, tăng tính

minh bạch trong xử lý hồ sơ, hạn chế tình trạng thất lạc, chậm trễ và nâng cao khả năng theo dõi tiến độ công việc.

Thứ năm, việc sắp xếp bộ máy bước đầu tạo động lực sàng lọc, bố trí lại đội ngũ theo yêu cầu công việc. Một số địa phương đã rà soát, kiện toàn tổ chức, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; các chế độ, chính sách bước đầu được thực hiện đồng bộ, tạo nền tảng pháp lý và thực tiễn cho vận hành mô hình mới. Về mặt quản trị nhân sự công, đây là cơ hội để chuyển từ tư duy “bố trí người theo biên chế sẵn có” sang “bố trí người theo vị trí việc làm và năng lực thực thi”.

Thứ sáu, mô hình mới làm nổi bật hơn vai trò của những công chức có năng lực, tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng. Khi địa bàn quản lý rộng hơn, khối lượng công việc lớn hơn và thẩm quyền được phân cấp mạnh hơn, những công chức có năng lực chuyên môn, kỹ năng số, khả năng phối hợp và tinh thần phục vụ Nhân dân sẽ có điều kiện phát huy rõ hơn vai trò và năng lực thực thi công vụ. Đồng thời, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp cũng tạo ra môi trường cạnh tranh và sàng lọc tự nhiên, qua đó thúc đẩy đội ngũ công chức cấp xã nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm và khả năng thích ứng với yêu cầu quản trị địa phương hiện đại.

Như vậy, kết quả bước đầu nổi bật nhất sau ngày 01/7/2025 là: bộ máy cấp xã không bị đứt gãy trong vận hành; thủ tục hành chính cơ bản được duy trì thông suốt; chuyển đổi số được thúc đẩy; tính chủ động của cấp xã tăng lên; và yêu cầu đánh giá công chức theo năng lực, kết quả thực thi ngày càng rõ hơn. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã trong giai đoạn tiếp theo.

2.4. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế và áp lực đối với hiệu suất làm việc của công chức cấp xã trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Đây không chỉ là vấn đề của riêng đội ngũ công chức cấp xã mà còn là hệ quả của quá trình chuyển đổi mô hình quản trị địa phương với quy mô lớn, phạm vi rộng và yêu cầu cải cách sâu sắc.

Nguyên nhân quan trọng mang tính khách quan là mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là mô hình hoàn toàn mới ở Việt Nam, tạo ra sự thay đổi căn bản về tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành và phân định thẩm quyền quản lý nhà nước ở địa phương. Việc kết thúc hoạt động của cấp huyện từ ngày 01/7/2025 dẫn đến sự thay đổi đột ngột trong cấu trúc quản trị hành chính, làm cho cấp xã phải tiếp nhận nhiều nhiệm vụ mới trong thời gian ngắn. Điều này làm cho nhiều công chức cấp xã chưa kịp thích ứng với yêu cầu công việc mới cả về chuyên môn lẫn phương thức thực thi công vụ.

Tiếp đó, việc tăng nhanh khối lượng và phạm vi công việc trong khi nguồn nhân lực chưa được chuẩn bị tương xứng là nguyên nhân trực tiếp làm giảm hiệu suất làm việc của công chức cấp xã. Sau khi thực hiện mô hình 2 cấp, công chức cấp xã phải đảm nhiệm thêm nhiều lĩnh vực chuyên môn trước đây thuộc cấp huyện như đất đai, xây dựng, quy hoạch, môi trường, tài chính, chuyển đổi số và quản lý dân cư. Tuy nhiên, quá trình đào tạo, bồi dưỡng và

chuẩn bị nhân sự cho việc chuyển giao nhiệm vụ chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Thực tế tại nhiều địa phương cho thấy tình trạng thiếu công chức chuyên môn đang diễn ra khá phổ biến, nhất là ở các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ thông tin, xây dựng và tài nguyên môi trường.

Chất lượng đội ngũ công chức cấp xã chưa đồng đều là nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc trong bối cảnh mới. Mặc dù trình độ đào tạo của công chức cấp xã đã được nâng lên đáng kể trong những năm gần đây, song năng lực thực thi công vụ thực tế giữa các địa phương vẫn còn khoảng cách lớn. Một bộ phận công chức còn hạn chế về kỹ năng tham mưu, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp hành chính và đặc biệt là kỹ năng số. Trong mô hình quản trị địa phương mới, công chức cấp xã không chỉ cần nắm vững chuyên môn mà còn phải có năng lực quản trị công hiện đại, khả năng phối hợp liên ngành và thích ứng nhanh với môi trường làm việc số hóa. Đây là yêu cầu mà không phải địa phương nào cũng đáp ứng được ngay trong giai đoạn đầu triển khai mô hình mới.

Quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính đã tác động trực tiếp đến tâm lý, động lực và trạng thái làm việc của công chức cấp xã. Việc sáp nhập xã, thay đổi vị trí việc làm, thay đổi lãnh đạo quản lý, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ và bố trí lại nhân sự khiến nhiều công chức phải thích nghi trong thời gian ngắn. Một bộ phận công chức có tâm lý lo lắng về vị trí việc làm, thu nhập, cơ hội thăng tiến hoặc áp lực công việc tăng lên sau sắp xếp. Trong điều kiện đó, hiệu suất làm việc khó tránh khỏi bị ảnh hưởng nhất định, đặc biệt trong giai đoạn chuyển tiếp của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật và điều kiện bảo đảm thực thi công vụ ở cấp xã còn nhiều hạn chế. Mặc dù chuyển đổi số được xác định là động lực quan trọng để nâng cao hiệu suất làm việc, song trên thực tế, hạ tầng công nghệ thông tin ở nhiều địa phương chưa đáp ứng yêu cầu. Một số xã còn thiếu trang thiết bị công nghệ, hệ thống đường truyền chưa ổn định, phần mềm quản lý chưa đồng bộ hoặc chưa liên thông dữ liệu hiệu quả. Điều này gây khó khăn cho công chức trong giải quyết hồ sơ trực tuyến, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung và xử lý công việc trên môi trường điện tử. Theo phản ánh của nhiều địa phương, việc vận hành hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong giai đoạn đầu còn phát sinh lỗi kỹ thuật, gây áp lực lớn đối với công chức cấp xã trong khi vẫn phải bảo đảm giải quyết công việc thông suốt cho người dân.

Hơn nữa, cơ chế phân cấp, phân quyền tuy được mở rộng nhưng chưa phải lúc nào cũng đi kèm đầy đủ các điều kiện bảo đảm thực hiện. Trong nhiều trường hợp, cấp xã được giao thêm nhiệm vụ nhưng chưa được tăng tương ứng về biên chế, ngân sách, cơ sở vật chất và nguồn lực chuyên môn. Điều này dẫn đến tình trạng “quyền nhiều nhưng nguồn lực chưa đủ”, làm cho công chức cấp xã rơi vào trạng thái quá tải, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và chất lượng xử lý công việc.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã cũng chưa theo kịp yêu cầu của mô hình quản trị mới. Nội dung đào tạo ở nhiều nơi vẫn nặng về lý thuyết, chưa chú trọng đúng mức đến kỹ năng thực hành, xử lý tình huống thực tiễn, kỹ năng số và quản trị công hiện đại. Trong khi đó, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đòi hỏi công chức cấp xã phải có khả năng xử lý nhiều lĩnh vực chuyên môn đa dạng hơn trước, đặc biệt là khả năng sử dụng công nghệ số và vận hành các nền tảng quản trị điện tử.

Cơ chế đánh giá hiệu suất làm việc của công chức cấp xã vẫn còn những bất cập nhất định. Ở nhiều nơi, việc đánh giá công chức vẫn chủ yếu dựa trên quy trình hành chính, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chung hoặc đánh giá định tính, chưa gắn chặt với kết quả đầu ra, mức độ hài lòng của người dân và hiệu quả thực tế của công việc. Trong điều kiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp yêu cầu cao hơn về trách nhiệm giải trình và chất lượng phục vụ, cơ chế đánh giá chưa đổi mới sẽ khó tạo động lực mạnh mẽ cho công chức nâng cao hiệu suất làm việc.

Ngoài ra, sự chênh lệch về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương cũng là nguyên nhân làm cho hiệu suất làm việc của công chức cấp xã không đồng đều. Các xã ở đô thị, đồng bằng, có điều kiện hạ tầng tốt, nguồn nhân lực chất lượng cao và mức độ chuyển đổi số cao thường có khả năng thích ứng nhanh hơn. Ngược lại, các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo thường gặp nhiều khó khăn hơn về nhân lực, cơ sở vật chất, trình độ dân trí và khả năng tiếp cận công nghệ. Điều này tác động trực tiếp đến khả năng thực thi công vụ và chất lượng phục vụ người dân của công chức cấp xã.

Có thể thấy rằng, những hạn chế đối với hiệu suất làm việc của công chức cấp xã trong giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến nay là hệ quả tổng hợp của nhiều nguyên nhân đan xen, trong đó nổi bật là tác động của quá trình chuyển đổi mô hình quản trị địa phương, áp lực tăng khối lượng công việc, hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực và điều kiện bảo đảm thực thi công vụ. Vì vậy, để nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã trong điều kiện chính quyền địa phương 2 cấp cần có các giải pháp đồng bộ cả về thể chế, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, chuyển đổi số và cơ chế quản lý công vụ phù hợp với yêu cầu phát triển mới của đất nước.

3. Giải pháp nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng

Trong điều kiện thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp từ ngày 01/7/2025, nâng cao hiệu suất làm việc của công chức cấp xã không chỉ là yêu cầu của cải cách hành chính mà còn là yêu cầu tất yếu của quá trình đổi mới quản trị quốc gia và xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ Nhân dân. Việc kết thúc hoạt động của cấp huyện đã làm thay đổi căn bản vị trí, vai trò, chức năng và khối lượng công việc của cấp xã. Công chức cấp xã hiện nay không chỉ thực hiện các nhiệm vụ hành chính cơ sở truyền thống mà còn trực tiếp đảm nhận nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước trước đây thuộc thẩm quyền cấp huyện. Điều này đòi hỏi phải có hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ, khả năng thích ứng, tinh thần trách nhiệm và hiệu suất làm việc của đội ngũ công chức cấp xã theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý công chức cấp xã phù hợp với yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Cần rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định liên quan đến vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, cơ chế tuyển dụng, sử dụng và đánh giá công chức theo hướng hiện đại, linh hoạt và gắn với yêu cầu thực tiễn. Việc quản lý công chức cần chuyển mạnh từ quản lý theo biên chế sang quản lý theo vị trí việc làm và hiệu quả thực thi công vụ. Đồng thời, cần hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát

và kiểm soát quyền lực; xác định rõ trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ nhằm khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm và tâm lý sợ sai trong xử lý công việc.

Hai là, đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng và đánh giá công chức cấp xã theo hướng thực chất, minh bạch và lấy hiệu quả công việc làm trung tâm. Công tác tuyển dụng cần bảo đảm cạnh tranh công khai, lựa chọn đúng người có năng lực chuyên môn, kỹ năng số, tư duy đổi mới và khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại. Việc sử dụng công chức phải phù hợp với chuyên môn đào tạo, vị trí việc làm và yêu cầu thực tiễn của địa phương; đồng thời tăng cường luân chuyển để khắc phục tình trạng thiếu hụt nhân lực chuyên môn cục bộ. Đặc biệt, cần đổi mới mạnh mẽ cơ chế đánh giá công chức theo hướng lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hài lòng của người dân và hiệu quả đầu ra làm tiêu chí chủ yếu, bảo đảm công khai, minh bạch và gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

Ba là, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương hiện đại. Nội dung đào tạo cần gắn chặt với vị trí việc làm và yêu cầu thực tiễn sau khi cấp xã tiếp nhận thêm nhiều nhiệm vụ từ cấp huyện. Cần chú trọng bồi dưỡng kỹ năng tham mưu, kỹ năng xử lý tình huống hành chính, kỹ năng giao tiếp với công dân, kỹ năng phối hợp liên ngành và kỹ năng làm việc trên môi trường điện tử. Trong bối cảnh chuyển đổi số, cần tăng cường đào tạo kỹ năng số, quản lý dữ liệu, sử dụng nền tảng số và vận hành hệ thống hành chính điện tử. Đồng thời, cần chú trọng giáo dục đạo đức công vụ, văn hóa công sở và tinh thần phục vụ Nhân dân; đổi mới phương thức đào tạo theo hướng kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, xây dựng mô hình học tập suốt đời cho công chức cấp xã.

Bốn là, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động công vụ ở cấp xã nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng phục vụ và tính minh bạch của nền hành chính cơ sở. Nhà nước cần ưu tiên đầu tư đồng bộ hạ tầng số, cơ sở dữ liệu, trang thiết bị công nghệ và nền tảng điều hành điện tử cho cấp xã, đặc biệt là các địa bàn khó khăn. Đồng thời, cần đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu và quy trình xử lý công việc; tăng cường sử dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử và dịch vụ công trực tuyến. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các nền tảng quản trị thông minh cần được triển khai phù hợp nhằm hỗ trợ công chức xử lý công việc nhanh hơn, chính xác hơn và giảm áp lực trong thực thi công vụ.

Năm là, hoàn thiện chính sách tạo động lực làm việc cho công chức cấp xã. Trong điều kiện khối lượng công việc và trách nhiệm công vụ ngày càng lớn, cần tiếp tục thực hiện hiệu quả cải cách chính sách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW nhằm bảo đảm tiền lương thực sự là nguồn thu nhập chính của công chức. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế khuyến khích công chức đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; thực hiện khen thưởng kịp thời, công bằng và gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, cần cải thiện điều kiện làm việc, xây dựng môi trường công sở dân chủ, chuyên nghiệp và nhân văn nhằm tạo động lực để công chức phát huy năng lực và nâng cao hiệu suất làm việc.

Sáu là, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và xây dựng văn hóa công vụ trong đội ngũ công chức cấp xã. Cần tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực thi công vụ; xử lý nghiêm các hành vi né tránh trách nhiệm, gây phiền hà cho người dân, chậm trễ xử lý công việc hoặc

vi phạm đạo đức công vụ. Đồng thời, cần xây dựng văn hóa công vụ theo hướng chuyên nghiệp, trách nhiệm, minh bạch, gần dân, trọng dân và tận tụy phục vụ Nhân dân. Trong điều kiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, công chức cấp xã không chỉ là người thực thi công vụ mà còn là lực lượng trực tiếp tạo dựng niềm tin của người dân đối với bộ máy hành chính nhà nước. Vì vậy, cần phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình, tính công khai, minh bạch và hiệu quả hoạt động công vụ ở cấp xã.

Tiến sĩ Nguyễn Đức Thắng, Học viện Hành chính và Quản trị công

Nguồn: tcnnld.vn

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị (2021), *Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung*.
2. Chính phủ (2021), *Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030*.
3. Chính phủ (2022), *Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022–2025, tầm nhìn đến năm 2030*.
4. Cổng Thông tin điện tử Chính sách Cuộc sống - Thông tấn xã Việt Nam (2025), truy cập tại: <https://chinhhsachcuocsong.vn/vn>, truy cập ngày 03/7/2025.
5. Cổng Thông tin điện tử Chính sách Cuộc sống - Thông tấn xã Việt Nam (2025), truy cập tại: <https://chinhhsachcuocsong.vn/vn>, truy cập ngày 06/8/2025.
6. Cổng Thông tin điện tử Chính sách Cuộc sống - Thông tấn xã Việt Nam (2025), truy cập tại: <https://chinhhsachcuocsong.vn/vn>, truy cập ngày 15/9/2025.
7. Cổng Thông tin điện tử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2025), truy cập tại: <https://mattran.org.vn/giam-sat-phan-bien-xa-hoi>, truy cập ngày 07/9/2025.
8. Cổng Thông tin điện tử Xây dựng chính sách, pháp luật (2025), “Toàn văn Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng”, truy cập tại: <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn>, truy cập ngày 14/5/2025.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Quốc hội (2025), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi)*.
11. Báo điện tử VOV (2025), truy cập tại: <https://vov.vn/chinh-tri>, truy cập ngày 01/7/2025.

BỐN BƯỚC CHUYỂN TỪ HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 3: CHỈ DẪU THÀNH CÔNG CỦA TINH GỌN BỘ MÁY

Sau hơn một năm sắp xếp lại giang sơn, bộ máy hành chính các cấp đã được tinh gọn; tầng nấc trung gian được giảm bớt; chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan từng bước được hoàn thiện...

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (ngày 20/7/2026) của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh: Hội nghị Trung ương 3 phải chuyển những định hướng mà Đại hội XIV của Đảng đã nêu ra thành quyết sách khơi thông nguồn lực, trong đó bước chuyển thứ nhất là từ sắp xếp tổ chức sang nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và chất lượng vận hành của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị.

Sau hơn một năm sắp xếp lại giang sơn, bộ máy hành chính các cấp đã được tinh gọn; tầng nấc trung gian được giảm bớt; chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan từng bước được hoàn thiện; cơ chế phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh, vai trò của chính quyền cơ sở được chú trọng.

Ở Trung ương, cơ cấu tổ chức Chính phủ được tinh gọn từ 22 bộ, cơ quan ngang bộ xuống còn 17 bộ, cơ quan ngang bộ; số cơ quan thuộc Chính phủ giảm từ 8 xuống còn 5. Các tổ chức bên trong bộ, cơ quan ngang bộ được rà soát, giảm mạnh số lượng cục, vụ, chi cục và tổ chức tương đương, đồng thời chấm dứt mô hình tổng cục.

Ở địa phương, từ 63 tỉnh, thành phố giờ chỉ còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh; 3.321 đơn vị hành chính cấp xã gồm 2.621 xã, 687 phường và 13 đặc khu, đồng thời kết thúc hoạt động của 696 đơn vị cấp huyện.

Việc tinh gọn bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương là nhằm mục tiêu giảm khoản chi thường xuyên vốn chiếm tới gần 70% tổng chi ngân sách nhà nước - cao hơn nhiều so với mức 48-50% của các quốc gia có nền hành chính tiên tiến.

Chi thường xuyên cao thì không còn đủ nguồn lực để đầu tư phát triển, tiềm ẩn nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình, suy giảm sức cạnh tranh quốc gia, đe dọa mục tiêu đưa nước ta trở thành nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045.

Tuy nhiên, đây không phải là mục tiêu cuối cùng và việc tinh gọn bộ máy là công cụ để chúng ta tiến tới mục đích lớn.

Theo nhìn nhận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, tinh gọn bộ máy mới chỉ là điều kiện để từ đó đất nước bước sang một “phiên bản” hoàn thiện hơn. Đó là sự lãnh đạo của Đảng đạt hiệu quả hơn, việc quản trị của Nhà nước được tốt hơn, bộ máy vận hành nhanh hơn, phục vụ nhân dân hiệu quả hơn, mức sống của nhân dân được nâng cao hơn.

Khách quan mà nói, việc sắp xếp lại bộ máy giúp cho việc loại bỏ lãng phí, giảm thiểu sự chồng chéo, tinh giản tổ chức và quy trình. Song điều này sẽ trở nên vô nghĩa khi chúng ta

nhận thấy bộ máy vẫn không hoạt động nhanh nhạy hơn, mạnh mẽ hơn và mang lại nhiều kết quả hơn. Kết cục là chất lượng phục vụ nhân dân vẫn không được cải thiện.

Công cuộc tinh gọn bộ máy hiện nay chỉ được coi là thành công khi từ đó đất nước thực sự có bước chuyển từ việc sắp xếp lại một cách cơ học toàn bộ hệ thống chính trị sang việc nâng cao chất lượng vận hành thực tế.

Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay bao gồm: Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, mang tính nhất nguyên về tổ chức, gắn liền với vai trò tổ chức và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chỉ dấu thành công của bước chuyển thứ nhất trong việc khơi thông nguồn lực của đất nước trước hết được biểu hiện ở việc nâng cao năng lực của Đảng ban hành các quyết sách phù hợp với từng giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam. Các nghị quyết, chỉ thị được ban hành đều có khả năng tháo gỡ nhanh các điểm nghẽn lớn cản trở đất nước phát triển.

Chỉ dấu của việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng còn được thể hiện trong việc đổi mới phương thức cầm quyền - nhanh chóng đưa các chủ trương vào cuộc sống, xóa bỏ tình trạng “nghị quyết hay nhưng khâu thực thi lại dờ.”

Còn biểu hiện rõ rệt của một Nhà nước quản trị tốt là đã từ bỏ tư duy quản lý phân tán, cục bộ địa phương để chuyển sang quản trị thống nhất không gian phát triển tổng thể. Nhà nước thể hiện chức năng quản lý qua việc điều tiết mang tính vĩ mô, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng.

Nhà nước quản trị tốt là khi các cơ quan chức năng chuyển từ thể bị động “chạy theo xử lý sự vụ” sang chủ động dự báo, kiểm soát rủi ro về môi trường, an ninh và kinh tế. Tình trạng chồng chéo chức năng giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước bị xóa bỏ - công chức làm việc theo nguyên tắc “rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ, rõ thẩm quyền, rõ nguồn lực, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ sản phẩm, rõ kết quả.”

Một đặc điểm thể hiện Nhà nước quản trị tốt là công nghệ được ứng dụng trong các thủ tục hành chính để phục vụ người dân được tốt hơn, lấy người dân làm trung tâm.

Chỉ dấu quan trọng về mức độ quản trị tốt của Nhà nước là niềm tin, sự hài lòng của người dân - điều này chỉ có thể đạt được sau khi thay đổi tư duy “Nhà nước quản lý” bằng “Nhà nước phục vụ và kiến tạo.”

Đời sống của người dân được nâng cao vừa là thước đo mức độ quản trị tốt của Nhà nước vừa là mục tiêu chung của bước chuyển thứ nhất, cũng là mục tiêu cốt lõi của công cuộc phát triển đất nước mà Đảng và Nhà nước đang thực hiện.

Mọi chủ trương, quyết sách của Đảng và Nhà nước đều hướng tới mục tiêu tối thượng là phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Nguồn: vietnamplus.vn

BỎ TÀNG NẮC, DỰNG NĂNG LỰC: TỪ TINH GỌN BỘ MÁY ĐẾN KIẾN TẠO QUẢN TRỊ

Sau một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp trên phạm vi cả nước, thực tiễn đã tạo cơ sở để đánh giá toàn diện hơn giá trị lý luận và hiệu quả của cuộc cải cách tổ chức bộ máy trong tiến trình đổi mới quản trị quốc gia.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và phân tích lý luận, loạt bài làm rõ bước chuyển từ mô hình quản lý nhiều tầng nấc sang quản trị hiện đại, phân quyền rõ ràng và vận hành trên nền tảng dữ liệu; khẳng định tính đúng đắn của chủ trương tinh gọn bộ máy theo hướng “hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để bác bỏ các quan điểm xuyên tạc, sai trái về cuộc cải cách.

Trong cấu trúc quản trị mới, bảo đảm an ninh, trật tự là điều kiện nền tảng để góp phần kiến tạo mô hình chính quyền địa phương hai cấp vận hành hiệu lực, hiệu quả và phát triển bền vững.

KỶ 1: KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC - TỪ THẾ VÀ LỰC MỚI ĐẾN YÊU CẦU ĐỔI MỚI MÔ HÌNH QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Lần đầu tiên sau gần bốn thập niên đổi mới, Việt Nam đứng trước một bước chuyển có ý nghĩa đặc biệt trong tiến trình phát triển của dân tộc. Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao không chỉ đòi hỏi những động lực tăng trưởng mới, mà còn đặt ra yêu cầu phải đổi mới phương thức tổ chức và vận hành quốc gia. Khi khát vọng phát triển được xác lập ở một tầm vóc mới, câu hỏi mang tính sinh mệnh không chỉ dừng lại ở việc chúng ta có bao nhiêu nguồn lực, mà quan trọng hơn là mô hình quản trị quốc gia hiện tại có còn đủ năng lực để chuyển hóa những nguồn lực ấy thành sức mạnh thực chất hay không.

Hành trình Đổi mới từ năm 1986 đến nay đã giúp đất nước tích lũy được một “thế” mới vững chắc trong môi trường quốc tế và một “lực” mới dồi dào từ nội lực nền kinh tế, hệ thống chính trị cùng niềm tin sâu sắc của nhân dân. Trong một thế giới đang chứng kiến sự chuyển dịch mạnh mẽ dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và các cuộc cạnh tranh chiến lược gay gắt, yêu cầu đối với mọi quốc gia không còn dừng lại ở việc duy trì tốc độ tăng trưởng, mà là nâng cao năng lực thích ứng và năng lực quản trị.

Chính trong bối cảnh đó, việc Đảng xác định đất nước bước vào kỷ nguyên vườn mình của dân tộc không phải là một kỳ vọng chủ quan hay khẩu hiệu mang tính thời điểm. Đó là sự khái quát lý luận sâu sắc trên cơ sở đúc kết thực tiễn, nhận diện đúng thời cơ và tầm nhìn chiến lược để đưa đất nước bứt phá khỏi những rào cản của mô hình phát triển truyền thống.

Kiến tạo năng lực quản trị - hạt nhân của cuộc cải cách thể chế

Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy, không một quốc gia nào có thể bước sang một trình độ phát triển mới chỉ bằng việc xác lập mục tiêu hay ban hành chiến lược. Điều quyết

định là năng lực tổ chức thực hiện thông qua một mô hình quản trị phù hợp với yêu cầu của thời đại. Khi khát vọng phát triển được nâng lên, năng lực quản trị quốc gia cũng phải được nâng lên tương xứng.

Đó cũng chính là tư duy xuyên suốt trong những quyết sách lớn của Đảng thời gian qua: tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực; tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đồng thời, đẩy mạnh đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc gia, Chính phủ số, xã hội số và nền hành chính số. Tất cả đều hướng tới một mục tiêu thống nhất, đó là đổi mới mô hình quản trị quốc gia để kiến tạo năng lực phát triển mới cho đất nước.

Sở dĩ như vậy là bởi, nếu chặng đường Đổi mới vừa qua mang sứ mệnh giải phóng các nguồn lực phát triển thông qua đổi mới tư duy kinh tế và mở rộng hội nhập, thì trong giai đoạn mới, khi thể và lực đã được củng cố, yêu cầu cốt lõi không còn chỉ là tạo thêm nguồn lực, mà là tổ chức, phân bổ và sử dụng hiệu quả những nguồn lực đã tích lũy. Tinh gọn bộ máy, vì thế, phải được nhìn nhận bằng tầm nhìn rộng lớn hơn cải cách hành chính thông thường. Giá trị của cuộc cải cách không dừng lại ở số lượng đầu mối cắt giảm hay đơn vị sáp nhập, mà chính là sự tái cấu trúc sâu sắc cách thức tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước.

Thực tiễn đó cũng chính là điều Nghị quyết số 18-NQ/TW đã chỉ rõ khi đánh giá bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn “cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối”, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan còn “chồng chéo, trùng lặp”, việc “phân cấp, phân quyền chưa hợp lý”, làm giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Vì vậy, tinh gọn chỉ thực sự có ý nghĩa khi đi đôi với phân định rõ chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm; tổ chức lại mối quan hệ giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền; đồng thời rút ngắn quy trình, giải phóng nguồn lực và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Nói cách khác, mục tiêu cuối cùng của cuộc cải cách là kiến tạo một Nhà nước có năng lực quản trị cao hơn.

Trong chính thể cải cách ấy, việc xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp giữ vị trí đặc biệt quan trọng, là biểu hiện tập trung nhất của tư duy đổi mới mô hình quản trị quốc gia. Bởi xét đến cùng, mọi quyết sách của Nhà nước đều được hiện thực hóa ở địa phương; mọi cải cách thể chế chỉ thực sự có ý nghĩa khi chuyển hóa thành chất lượng quản trị ở từng địa phương và từng người dân. Đây không phải là một quyết sách mang tính tình thế, mà là kết quả của quá trình chuẩn bị lâu dài trên cả phương diện lý luận, thực tiễn và thể chế. Từ Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 đến Kết luận số 127-KL/TW, Nghị quyết số 60-NQ/TW cùng các nghị quyết, đạo luật được Quốc hội ban hành năm 2025 đã từng bước hoàn thiện cơ sở chính trị và hành lang pháp lý để triển khai thống nhất mô hình chính quyền địa phương hai cấp trên phạm vi cả nước.

Đổi mới mô hình chính quyền địa phương, vì vậy, ngoài điều chỉnh cơ cấu tổ chức, còn phải đổi mới cách thức quyền lực nhà nước được tổ chức, phân bổ và thực thi trong điều kiện phát triển mới. Muốn hiểu đầy đủ ý nghĩa của quyết sách này, cần đặt mô hình chính quyền địa phương ba cấp trong đúng bối cảnh lịch sử đã hình thành và phát triển của nó. Mô hình

chính quyền địa phương ba cấp ở Việt Nam là sản phẩm của một giai đoạn lịch sử khi nền kinh tế còn phân tán, hạ tầng giao thông và thông tin còn hạn chế, năng lực quản trị ở cơ sở chưa đồng đều. Trong điều kiện đó, cấp huyện giữ vai trò là mắt xích trung gian quan trọng, truyền tải chủ trương, chính sách từ cấp tỉnh xuống cơ sở; hướng dẫn, kiểm tra việc thực thi pháp luật; điều hòa nguồn lực và hỗ trợ các xã giải quyết những nhiệm vụ vượt quá khả năng tại chỗ. Suốt nhiều thập niên, mô hình này đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, góp phần quan trọng vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, khôi phục và phát triển đất nước.

Chính những thành công ấy lại tạo ra những điều kiện phát triển mới. Quá trình đô thị hóa, liên kết vùng, chuyển đổi số quốc gia, sự phát triển của hạ tầng giao thông và hạ tầng số, cùng sự trưởng thành của chính quyền cơ sở đã làm thay đổi căn bản môi trường quản trị. Trong bối cảnh đó, chức năng truyền dẫn của tầng trung gian dần thu hẹp, trong khi những hạn chế của mô hình nhiều tầng nấc ngày càng bộc lộ rõ: quy trình xử lý kéo dài, nguồn lực phân tán, thông tin bị chia cắt và trách nhiệm khó xác định. Điều đó đặt ra yêu cầu chuyển từ mô hình quản lý nhiều tầng nấc sang mô hình quản trị trực tiếp; từ cơ chế truyền đạt mệnh lệnh sang phân quyền rõ ràng; từ điều hành chủ yếu dựa trên hồ sơ giấy sang quản trị dựa trên dữ liệu, công nghệ và kết quả.

Bản chất của cuộc cải cách vì vậy không nằm ở việc kết thúc hoạt động của cấp huyện, mà ở việc giải quyết mâu thuẫn giữa một mô hình quản trị được hình thành trong điều kiện phát triển của nhiều thập niên trước với yêu cầu quản trị của một quốc gia đang bước vào kỷ nguyên số. Trong cấu trúc cũ, một hồ sơ có thể phải đi từ cấp xã lên cấp huyện, từ cấp huyện lên cấp tỉnh rồi quay trở lại cơ sở để tổ chức thực hiện; mỗi lần chuyển cấp lại phát sinh thêm thời gian, chi phí, nguy cơ sai lệch thông tin và khoảng trống về trách nhiệm. Khi dữ liệu được kết nối, xác thực và chia sẻ trên nền tảng dùng chung, nhiều nhiệm vụ có thể được chỉ đạo trực tiếp từ cấp tỉnh và giải quyết trực tiếp tại cấp xã, đồng thời được giám sát theo thời gian thực.

Nghị quyết số 57-NQ/TW đã xác định chuyển đổi số không chỉ là động lực phát triển kinh tế mà còn là nền tảng đổi mới phương thức quản trị quốc gia. Điều đó đồng nghĩa với việc tái cấu trúc toàn bộ quy trình quản trị trên nền tảng dữ liệu số. Công nghệ rút ngắn khoảng cách quản trị; thể chế phân quyền làm cho trách nhiệm có địa chỉ. Việc kết thúc hoạt động của cấp huyện vì thế phải đi liền với tái phân bổ thẩm quyền, nguồn lực, ngân sách và trách nhiệm giải trình giữa cấp tỉnh và cấp xã, đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Không dừng lại ở đó, cuộc cải cách còn mở ra cách tiếp cận mới trong tổ chức không gian phát triển của đất nước. Việc sắp xếp đơn vị hành chính nhằm giảm đầu mối quản lý, tạo lập quy mô quản trị đủ lớn để quy hoạch hạ tầng, phát triển đô thị, tổ chức logistics, điều phối nguồn lực và tăng cường liên kết vùng. Có thể nói, đúng như tinh thần Đại hội XIV đã đặt ra về cuộc cách mạng “sắp xếp lại giang sơn”, đây không đơn thuần là việc điều chỉnh địa giới hành chính, mà là quá trình tổ chức lại không gian phát triển quốc gia để địa giới hành chính không còn là rào cản của phát triển, mà trở thành công cụ phục vụ phát triển; vừa phát huy lợi thế của từng địa phương, từng vùng, vừa tăng cường tính liên kết của nền kinh tế, đồng thời đáp ứng tốt hơn yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Ở một bình diện sâu hơn, sau khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính, cả nước giảm từ 63 xuống còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, từ 10.035 xuống còn 3.321 đơn vị hành chính cấp xã, đồng thời kết thúc hoạt động của 696 đơn vị hành chính cấp huyện. Quy mô thay đổi là rất lớn, nhưng ý nghĩa của cuộc cải cách không nằm ở việc giảm bao nhiêu đầu mối hay bao nhiêu đơn vị hành chính, mà ở việc tái cấu trúc toàn diện thẩm quyền, nguồn lực công và phương thức quản trị, cung ứng dịch vụ công. Từ một nền hành chính chủ yếu dựa trên quy trình và hồ sơ, nền quản trị mới hướng tới quản trị bằng dữ liệu, bằng kết quả và bằng trách nhiệm giải trình. Quyền lực không còn được bảo đảm bởi số lượng tầng nấc quản lý, mà bởi tính minh bạch của dữ liệu, sự rõ ràng về thẩm quyền và khả năng kiểm soát quyền lực trong toàn trình thực thi công vụ.

Quan trọng hơn, cuộc cải cách này cũng tạo điều kiện để phát huy đầy đủ hơn vai trò chủ thể của Nhân dân trong quản trị quốc gia. Hiện thực hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” trong Văn kiện Đại hội XIV, khi thẩm quyền được phân định rõ ràng, trách nhiệm được xác lập cụ thể và quy trình được công khai số hóa, người dân không chỉ thụ hưởng chính sách mà còn tham gia giám sát, phản biện trực tiếp. Sự gần dân trong điều kiện mới không còn được đo bằng số tầng nấc bộ máy hay khoảng cách địa lý đến trụ sở hành chính, mà bằng tốc độ giải quyết công việc, mức độ minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự hài lòng thực sự của Nhân dân.

Nhìn từ góc độ đó, chính quyền địa phương hai cấp không phải là đích đến của cuộc cải cách, mà là điểm khởi đầu của một mô hình quản trị quốc gia mới. Điều thay đổi không chỉ là cơ cấu tổ chức của bộ máy hành chính, mà là cách thức Nhà nước tổ chức quyền lực, phân bổ nguồn lực và phục vụ Nhân dân trong điều kiện phát triển mới. Đó cũng chính là ý nghĩa sâu xa của cuộc cải cách thể chế đang được triển khai: kiến tạo một năng lực quản trị quốc gia đủ mạnh để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Chính quyền địa phương hai cấp - kiến tạo năng lực quản trị trong kỷ nguyên mới

Thực tiễn cho thấy, không có một mô hình tổ chức nào tự thân tạo nên hiệu quả chỉ bằng việc thay đổi cơ cấu bộ máy. Giá trị của cải cách không nằm ở việc giảm bao nhiêu đầu mối hay cắt bỏ bao nhiêu cấp hành chính, mà ở khả năng chuyển hóa mô hình tổ chức mới thành phương thức quản trị mới. Nói cách khác, điều quyết định không phải là bộ máy được sắp xếp như thế nào, mà là bộ máy ấy vận hành ra sao, phân bổ quyền lực đến đâu và phục vụ Nhân dân như thế nào.

Nhìn từ góc độ đó, giá trị khoa học của mô hình chính quyền địa phương hai cấp được thể hiện ở khả năng giải quyết đồng thời ba mối quan hệ có tính nền tảng: *giữa cấu trúc tổ chức với trình độ phát triển của xã hội; giữa phân quyền với trách nhiệm giải trình; giữa quy mô quản trị với năng lực thực thi của bộ máy nhà nước*. Phép biện chứng duy vật cho thấy không có một mô hình quản trị nào là bất biến. Một thiết chế từng phù hợp với điều kiện lịch sử nhất định có thể trở thành lực cản khi điều kiện phát triển thay đổi. Ngược lại, mọi cải cách chỉ thực sự có giá trị khi vừa kế thừa những yếu tố còn phù hợp, vừa đổi mới để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới. Vì vậy, tính khoa học của cuộc cải cách này không được đo

bằng số lượng đầu mối giảm đi, mà bằng mức độ đồng bộ giữa thể chế, tổ chức bộ máy, nguồn lực, dữ liệu, đội ngũ cán bộ và cơ chế kiểm soát quyền lực. Đó cũng là ranh giới giữa tinh gọn về hình thức với kiến tạo năng lực quản trị thực chất.

Trước hết, cấp tỉnh phải thực sự trở thành trung tâm kiến tạo phát triển, điều phối chiến lược và bảo đảm tính thống nhất trong quản trị. Trọng tâm của cấp tỉnh không còn là giải quyết những công việc hành chính cụ thể vốn có thể phân cấp cho cơ sở, mà tập trung vào quy hoạch phát triển, hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực, đầu tư hạ tầng, điều phối liên kết vùng, quản trị rủi ro và kiểm tra kết quả thực hiện. Điều đó cũng đòi hỏi việc phân cấp, phân quyền phải được thực hiện đầy đủ, đồng bộ giữa thẩm quyền, nguồn lực và trách nhiệm. Giao thêm nhiệm vụ mà không chuyển giao nguồn lực, ngân sách và nhân lực sẽ chỉ làm tăng áp lực cho cơ sở, còn giữ lại quá nhiều việc ở cấp tỉnh sẽ làm giảm ý nghĩa của cải cách. Vì vậy, đúng như tinh thần Văn kiện Đại hội XIV, việc phân cấp, phân quyền phải bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm”, đồng thời gắn chặt với cơ chế kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực.

Không dừng lại ở đó, cấp xã phải thực sự trở thành cấp quản trị trực tiếp của chính quyền địa phương. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, nhiều xã, phường quản lý địa bàn rộng hơn, quy mô dân số lớn hơn và đảm nhận nhiều nhiệm vụ trước đây thuộc thẩm quyền của cấp huyện. Điều đó đòi hỏi chính quyền cơ sở không chỉ thay đổi về quy mô tổ chức mà còn phải thay đổi về tư duy quản trị. Người cán bộ ở cơ sở không thể chỉ dừng lại ở việc thực hiện đúng quy trình, thủ tục hành chính, mà phải có năng lực điều hành, phối hợp, giải quyết vấn đề và tổ chức thực hiện ngay từ địa bàn. Cùng với đó, việc bố trí biên chế, phân bổ nguồn lực cần căn cứ vào quy mô dân số, diện tích quản lý, khối lượng công việc và đặc điểm của từng địa phương, thay vì áp dụng cơ học theo một mặt bằng chung. Chỉ khi năng lực của chính quyền cơ sở tương xứng với thẩm quyền được giao thì phân quyền mới thực sự trở thành động lực phát triển, thay vì tạo thêm áp lực cho cấp dưới.

Một điều kiện có ý nghĩa quyết định khác là phải coi dữ liệu là hạ tầng của mô hình quản trị mới. Chuyển đổi số không chỉ là số hóa quy trình hành chính hay đưa hồ sơ lên môi trường điện tử. Nếu người dân vẫn phải nhiều lần khai báo lại những thông tin mà cơ quan nhà nước đã có thì đó mới chỉ là số hóa hình thức. Dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, hộ tịch, tài chính, giáo dục, y tế... phải được chuẩn hóa, kết nối, cập nhật và khai thác trên nền tảng thống nhất. Thực hiện đúng nguyên tắc **“đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”** sẽ giúp giảm thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, nâng cao chất lượng dự báo và hỗ trợ lãnh đạo các cấp ra quyết định chính xác hơn. Ngược lại, dữ liệu phân tán hoặc thiếu đồng bộ sẽ hình thành một “tầng trung gian vô hình”, làm chậm quá trình quản trị dù bộ máy hành chính đã được tinh gọn.

Song song với phân quyền, yêu cầu kiểm soát quyền lực càng phải được đặt ra chặt chẽ hơn. Khi nhiều thẩm quyền được giao trực tiếp cho cấp tỉnh và cấp xã, trách nhiệm giải trình cũng phải rõ ràng hơn trước. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan kiểm tra, thanh tra, báo chí và Nhân dân cần được thực hiện trên cơ sở thông tin đầy đủ, minh bạch và kịp thời. Hiệu quả của mô hình không nên chỉ đánh giá bằng số lượng

văn bản ban hành hay số cuộc họp được tổ chức, mà cần được đo bằng thời gian giải quyết thủ tục hành chính, mức độ hài lòng của người dân, tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, chất lượng cung cấp dịch vụ công và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Khi quyền lực được phân định rõ, dữ liệu minh bạch và trách nhiệm được xác lập cụ thể thì người đứng đầu không thể ẩn sau quy trình tập thể, mà phải chịu trách nhiệm bằng chính kết quả quản trị.

Suy cho cùng, mọi cuộc cải cách thể chế đều hướng tới một mục tiêu thống nhất là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước và phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn. Chính quyền địa phương hai cấp vì vậy không phải là điểm kết thúc của quá trình đổi mới, mà là điểm khởi đầu của một mô hình quản trị hiện đại hơn, minh bạch hơn và gần dân hơn. Thành công của cuộc cải cách sẽ không được khẳng định bằng những thay đổi về cơ cấu tổ chức, mà bằng khả năng tạo ra chuyển biến thực chất trong quản trị quốc gia, trong chất lượng điều hành của chính quyền các cấp và trong đời sống của Nhân dân. Đó cũng là thước đo cuối cùng để kiểm nghiệm tính đúng đắn của chủ trương và hiện thực hóa khát vọng xây dựng một Nhà nước kiến tạo phát triển, đủ năng lực đưa đất nước vững bước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Nguồn: nhandan.vn

6 CƠ CHẾ MỚI THÁO GỖ VƯỚNG MẮC TRONG ĐẦU TƯ, MUA SẮM CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nghị định số 224/2026/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 24/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số đã bổ sung nhiều cơ chế mới nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong đầu tư, mua sắm và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước.

Các quy định mới được kỳ vọng sẽ tạo hành lang pháp lý thông thoáng hơn, thúc đẩy triển khai các nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống phần mềm phục vụ chuyển đổi số.

Theo ông Lê Anh Tuấn, Phó Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ), Nghị định số 224/2026/NĐ-CP có 6 điểm mới nổi bật, tập trung giải quyết những “điểm nghẽn” về cơ chế, thủ tục và trách nhiệm trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

Dành tối thiểu 1% chi ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số

Theo ông Lê Anh Tuấn, điểm mới đầu tiên là chuyển đổi số lần đầu tiên được xác lập thành một lĩnh vực chi ngân sách độc lập.

Trước đây, kinh phí cho chuyển đổi số được lồng ghép trong các lĩnh vực, ngành khác nhau nên chưa có cơ chế bố trí nguồn lực riêng. Với Luật Ngân sách nhà nước và Luật Chuyển đổi số, chuyển đổi số đã trở thành một lĩnh vực chi ngân sách với mức tối thiểu bằng 1% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm.

Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ban hành ngày 24/6/2026 đã cụ thể hóa các nhiệm vụ chi và nội dung chi cho chuyển đổi số, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc lập dự toán và bố trí nguồn lực.

Hỗ trợ tới 30% kinh phí thử nghiệm công nghệ số

Điểm mới thứ hai là cơ chế hỗ trợ kinh phí thử nghiệm đối với các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số.

Theo quy định trước đây, doanh nghiệp phải tự bỏ toàn bộ chi phí để thử nghiệm sản phẩm. Ngay cả khi thử nghiệm thành công, doanh nghiệp vẫn chưa chắc được triển khai chính thức bởi phải tiếp tục tham gia đấu thầu và chỉ được thực hiện nếu trúng thầu.

Để khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy các giải pháp công nghệ mới, Nghị định 224 cho phép hỗ trợ tới đa 30% chi phí thử nghiệm, nhưng không quá 15 tỷ đồng/doanh nghiệp/nhiệm vụ thử nghiệm.

Cơ chế này được kỳ vọng sẽ giảm đáng kể rủi ro tài chính cho doanh nghiệp khi tham gia thử nghiệm các giải pháp phục vụ chuyển đổi số.

Cơ chế đặc thù cho nền tảng số và cơ sở dữ liệu quốc gia

Một điểm mới quan trọng khác là cơ chế đặc thù dành cho các nền tảng số quốc gia và cơ sở dữ liệu quốc gia. Đây đều là những dự án có quy mô lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đòi hỏi triển khai nhanh chóng, đồng bộ và thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Để đáp ứng yêu cầu đó, Nghị định số 224/2026/NĐ-CP cho phép chỉ định một doanh nghiệp thực hiện toàn bộ quá trình từ nghiên cứu, lập dự án, thiết kế đến triển khai thực hiện.

Theo ông Lê Anh Tuấn, quy định này nhằm bảo đảm tiến độ triển khai cũng như tính đồng bộ của các hệ thống số quy mô quốc gia, tránh tình trạng phân tách nhiều đơn vị thực hiện làm phát sinh vướng mắc trong quá trình triển khai.

Cho phép một doanh nghiệp vừa thiết kế vừa triển khai phần mềm

Điểm mới thứ tư đó là các dự án phần mềm nội bộ được thiết kế, triển khai linh hoạt. Trước đây, quy định yêu cầu đơn vị thiết kế và đơn vị triển khai phải tách biệt. Tuy nhiên, đặc thù của việc phát triển phần mềm là một quá trình liên tục, bao gồm phân tích yêu cầu, thiết kế, xây dựng, kiểm thử và thường xuyên phải điều chỉnh theo nhu cầu thực tế của người sử dụng.

Việc chia tách hai đơn vị thực hiện khiến quá trình phát triển phần mềm thiếu linh hoạt, phát sinh nhiều thủ tục và không phù hợp với đặc tính của sản phẩm số.

Nghị định số 224/2026/NĐ-CP cho phép một doanh nghiệp được thực hiện đồng thời cả thiết kế và triển khai phần mềm. Nhờ đó, khi có yêu cầu điều chỉnh chức năng hoặc thay đổi thiết kế, doanh nghiệp có thể chủ động thực hiện ngay mà không làm gián đoạn quá trình triển khai.

Gỡ áp lực trách nhiệm cho chủ đầu tư trong việc lấy báo giá

Một trong những khó khăn lớn trong triển khai các dự án chuyển đổi số thời gian qua là việc xác định giá dự toán.

Trước đây, chủ đầu tư phải lấy báo giá của doanh nghiệp để lập dự toán. Tuy nhiên, nhiều chủ đầu tư lo ngại rủi ro pháp lý nếu doanh nghiệp báo giá không chính xác hoặc nâng khống giá, dẫn đến tâm lý e ngại trong quá trình thẩm định, đấu thầu hoặc chỉ định thầu.

Để tháo gỡ vướng mắc này, Nghị định số 224/2026/NĐ-CP đã bổ sung quy định về trách nhiệm của chủ đầu tư. Cụ thể, nếu chủ đầu tư thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch việc lấy báo giá theo quy định thì sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với trường hợp doanh nghiệp nâng khống giá. Trách nhiệm thuộc về chính doanh nghiệp cung cấp báo giá.

Quy định mới được đánh giá là góp phần giải tỏa tâm lý e ngại, giúp các chủ đầu tư mạnh dạn hơn trong quá trình triển khai các dự án chuyển đổi số.

Cho phép doanh nghiệp phát triển phần mềm trực tiếp quản trị, vận hành hệ thống

Điểm mới cuối cùng của Nghị định số 224/2026/NĐ-CP liên quan đến công tác quản trị, vận hành các hệ thống phần mềm sau khi đưa vào sử dụng.

Theo ông Lê Anh Tuấn, nhiều hệ thống số chỉ có thể vận hành hiệu quả khi được quản trị, bảo trì thường xuyên. Tuy nhiên, trước đây doanh nghiệp phát triển phần mềm và doanh nghiệp thực hiện công tác quản trị, bảo trì thường là hai đơn vị khác nhau.

Trên thực tế, đơn vị quản trị, bảo trì không phải lúc nào cũng nắm rõ kiến trúc hệ thống, mã nguồn hay nguyên lý vận hành của phần mềm. Điều này dẫn đến nhiều khó khăn khi xử lý sự cố hoặc nâng cấp tính năng, thậm chí có thể ảnh hưởng đến hoạt động của cả hệ thống.

Để khắc phục tình trạng này, Nghị định số 224/2026/NĐ-CP cho phép chỉ định chính doanh nghiệp đã phát triển phần mềm thực hiện công tác quản trị, vận hành hệ thống.

Theo đại diện Cục Chuyển đổi số quốc gia, việc bổ sung các quy định mới trong Nghị định số 224/2026/NĐ-CP nhằm tháo gỡ những điểm nghẽn lớn trong đầu tư, mua sắm và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước, đồng thời tạo điều kiện để các cơ quan, đơn vị triển khai chuyển đổi số nhanh hơn, linh hoạt hơn và hiệu quả hơn.

Nguồn: baohinhphu.vn

THỰC HIỆN NGHIÊM 11 NGHỊ QUYẾT VỀ PHÂN QUYỀN, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Văn phòng Chính phủ có Công văn số 7066/VPCP-CĐS ngày 20/7/2026 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà về việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo kiến nghị của Bộ Tư pháp.

Công văn nêu: Xét Báo cáo số 521/BC-BTP ngày 06/7/2026 của Bộ Tư pháp về kết quả kiểm tra việc thực hiện 11 Nghị quyết của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà có ý kiến chỉ đạo như sau:

Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thực hiện nghiêm 11 Nghị quyết phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh đã được Chính phủ ban hành và các nhiệm vụ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại các Văn bản: số 571/TTg-CĐS ngày 24/5/2026, số 596/TTg-CĐS ngày 03/6/2026, số 731/TTg-CĐS ngày 26/6/2026.

Đồng thời, nghiên cứu Báo cáo số 521/BC-BTP ngày 06/7/2026 của Bộ Tư pháp đề chủ động thực hiện các giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề vượt thẩm quyền.

Bên cạnh đó, các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương rà soát các thủ tục hành chính chưa được cấu hình để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung, nhất là 111 thủ tục hành chính chưa cấu hình đầy đủ; hoàn thành cấu hình, cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung trước ngày 25/7/2026 và báo cáo kết quả thực hiện trong Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 7/2026.

Các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Xây dựng, Y tế thực hiện phương án phân cấp triệt để đối với các thủ tục hành chính theo Báo cáo số 521/BC-BTP; báo cáo kết quả thực hiện trong Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC định kỳ hằng tháng.

Chuẩn hóa hệ thống thủ tục hành chính, tiếp tục cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp

Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức rà soát toàn diện các hồ sơ, yêu cầu giải quyết công việc đang thực hiện nhưng chưa được chuẩn hóa hoặc còn phát sinh “giấy phép con”, các quy trình, giấy tờ ngoài quy định; tổng hợp, phân loại và đề xuất cấp có thẩm quyền phương án xử lý, làm cơ sở hoàn thiện, chuẩn hóa hệ thống thủ tục hành chính, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện và tiếp tục cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, chủ động rà soát, chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời phản ánh, kiến nghị để các bộ, cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các thủ tục hành chính,

hồ sơ, giấy tờ, yêu cầu quản lý phát sinh chưa được quy định hoặc không còn phù hợp trong quá trình tổ chức thực hiện.

Bộ Tư pháp tăng cường công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính nói chung và triển khai 11 Nghị quyết phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh nói riêng; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các bộ, địa phương theo thẩm quyền và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền.

Nguồn: vietnamplus.vn

HÌNH THÀNH HỆ SINH THÁI DỮ LIỆU QUỐC GIA THỐNG NHẤT, HIỆN ĐẠI, LIÊN THÔNG VÀ DÙNG CHUNG

Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18/7/2026 phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là Việt Nam hình thành hệ sinh thái dữ liệu quốc gia thống nhất, hiện đại, an toàn, tin cậy, liên thông và dùng chung; phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho dữ liệu, nền tảng dữ liệu và hạ tầng tính toán dùng chung theo kiến trúc thống nhất.

Phát huy dữ liệu trở thành tài nguyên chiến lược, tư liệu sản xuất quan trọng và động lực mới cho quản trị quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, điện toán hiệu năng cao và các công nghệ số chiến lược trong phân tích, dự báo, hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ thông minh. Phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và thị trường dữ liệu; từng bước tự chủ, làm chủ công nghệ, hạ tầng AI, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, nền tảng và sản phẩm dữ liệu cốt lõi; bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu quốc gia, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững trong kỷ nguyên số.

7 nhóm mục tiêu cụ thể

Chiến lược cũng đặt ra các nhóm mục tiêu cụ thể đến năm 2023 bao gồm các nhóm sau:

Nhóm mục tiêu về hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu

Hoàn thành 100% việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật cốt lõi (Luật, Nghị định, Thông tư) và ban hành đầy đủ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu; bảo đảm hài hòa giữa tạo lập, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu với bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc ban hành Chiến lược dữ liệu, Khung kiến trúc và Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh; 100% Từ điển dữ liệu của bộ, ngành,

địa phương được công bố và kết nối thành công, tuân thủ chặt chẽ Từ điển dữ liệu quốc gia dùng chung.

100% bộ, ngành, địa phương được đánh giá, xếp hạng hằng năm về mức độ phát triển và chất lượng dữ liệu; 100% cơ quan, tổ chức xử lý từ 01 triệu bản ghi dữ liệu trở lên được kiểm toán dữ liệu định kỳ với chu kỳ 02 năm một lần.

Nhóm mục tiêu về phát triển cơ sở dữ liệu và nền tảng dữ liệu dùng chung

100% cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu và dữ liệu dùng chung thuộc danh mục được phê duyệt hoàn thành việc số hóa, chuẩn hóa, làm sạch theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”; bảo đảm 100% dữ liệu thuộc phạm vi này được đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia và khai thác thống nhất thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP), trừ các trường hợp đặc thù được cấp có thẩm quyền cho phép kết nối trực tiếp.

Đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; bảo đảm 100% thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp dựa trên việc khai thác, sử dụng lại thông tin từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để thực hiện triệt để nguyên tắc “dữ liệu thay giấy tờ”, góp phần cắt giảm thành phần hồ sơ và đơn giản hóa thủ tục hành chính, từng bước hình thành năng lực phân tích, dự báo chiến lược quốc gia phục vụ hoạch định chính sách.

Nhóm mục tiêu về phát triển hạ tầng dữ liệu và hạ tầng tính toán quốc gia

Hoàn thành xây dựng, đưa vào vận hành chính thức 03 Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình tại Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023.

Hoàn thành thiết lập hạ tầng tính toán hiệu năng cao và hạ tầng trí tuệ nhân tạo tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; ban hành cơ chế và cung cấp quyền truy cập, sử dụng tài nguyên tính toán dùng chung cho 100% các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu và tổ chức đủ điều kiện để phục vụ xử lý dữ liệu lớn, huấn luyện và triển khai các mô hình AI.

Hạ tầng dữ liệu quốc gia được kết nối đồng bộ với các hạ tầng thiết yếu (truyền dẫn, năng lượng, số, an ninh mạng); bảo đảm 100% dữ liệu cốt lõi, nền tảng số trọng yếu được thiết lập cơ chế dự phòng nhiều lớp tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; có khả năng duy trì hoạt động liên tục và khôi phục các dịch vụ dữ liệu thiết yếu trong thời gian không quá 04 giờ sau khi xảy ra sự cố, thảm họa, bảo đảm an ninh, chủ quyền dữ liệu quốc gia.

100% cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu sử dụng hạ tầng dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng dùng chung quốc gia theo lộ trình, bảo đảm thống nhất về kiến trúc, kỹ thuật, an ninh, an toàn và hiệu quả đầu tư.

Nhóm mục tiêu về phát triển dữ liệu và hạ tầng phục vụ trí tuệ nhân tạo

Bảo đảm 100% các tập dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở quốc gia được chuẩn hóa, bảo đảm chất lượng dễ tiếp cận, dễ khai thác và có khả năng sử dụng lại để cung cấp nguyên liệu phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, phát triển, huấn luyện, kiểm thử các mô hình trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới sáng tạo và thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới góp phần phát triển kinh tế số và xã hội số.

Hoàn thành việc chuẩn hóa, làm sạch, gắn nhãn và ẩn danh đối với 100% các bộ dữ liệu thuộc Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển AI trong các lĩnh vực thiết yếu (tiếng Việt, internet vạn vật, thời gian thực...) và được tích hợp lên Kho dữ liệu AI quốc gia.

Khai thác Kho dữ liệu AI để hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp AI và công nghệ dữ liệu Việt Nam; hỗ trợ phát triển, huấn luyện thành công tối thiểu 150 sản phẩm, dịch vụ dữ liệu và mô hình AI “Make in Vietnam”.

Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và thị trường dữ liệu

100% các cơ quan nhà nước cấp bộ, cấp tỉnh cung cấp dữ liệu mở bảo đảm chất lượng (không trùng lặp, dư thừa, không tốn công sức và chi phí để xử lý lại dữ liệu, hoặc thu thập lại dữ liệu), thực hiện công bố dữ liệu mở thường xuyên trên Cổng dữ liệu mở quốc gia.

90% các di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được số hóa, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số, di sản số, có hiện diện số trên môi trường mạng để mọi người dân, khách du lịch có thể truy cập, tra cứu, tìm hiểu thuận lợi trên môi trường số; 100% các danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch trong nước được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ thông tin rộng rãi, kết hợp xây dựng các nền tảng số du lịch đồng bộ để quảng bá, phát triển du lịch Việt Nam, đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững.

Hoàn thiện 100% cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu về số lao động điện tử được bảo đảm chuẩn hóa, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề (bao gồm cả đào tạo tại trường và đào tạo, tích lũy kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội.

Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập của ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến, bảo đảm hỗ trợ cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông và tối thiểu 40% số ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

95% dữ liệu về y tế được xây dựng, tổ chức phù hợp với định hướng phân cấp quản lý từ trung ương đến địa phương để phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế, phần đầu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%.

Đưa vào vận hành tối thiểu 05 sản dữ liệu theo quy định của pháp luật, hình thành thị trường dữ liệu minh bạch, an toàn, có kiểm soát.

Phát triển ít nhất 1.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ dữ liệu, phân tích dữ liệu, nền tảng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ dữ liệu và trí tuệ nhân tạo. Phát triển tối thiểu 30 tổ chức trung gian dữ liệu tham gia thu thập, xử lý, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, phân tích và khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Nhóm mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực dữ liệu

Đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 50.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực quản trị, phân tích và khai thác dữ liệu theo Khung đào tạo quản trị dữ liệu cấp quốc gia; đào

tạo kỹ năng dữ liệu, phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho khoảng 300.000 lượt người lao động trong doanh nghiệp.

Hình thành đội ngũ tối thiểu 5.000 chuyên gia dữ liệu nòng cốt trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và tổ chức khoa học và công nghệ.

Có trên 50 cơ sở giáo dục đại học đào tạo các ngành, chuyên ngành về khoa học dữ liệu, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, điện toán hiệu năng cao và an ninh dữ liệu.

Nhóm mục tiêu về bảo đảm an ninh và chủ quyền dữ liệu

Đưa vào vận hành Hệ thống giám sát an ninh dữ liệu quốc gia hoạt động 24/7 để quản trị, điều phối tập trung; trên 90% hệ thống thông tin chứa dữ liệu cốt lõi đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn bảo vệ, bảo đảm vững chắc an ninh mạng, an ninh dữ liệu và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương được phê duyệt cấp độ, kết nối giám sát, cảnh báo sự cố và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu theo quy định, được kết nối giám sát, cảnh báo và hỗ trợ ứng cứu sự cố thông qua hệ thống giám sát tập trung có thẩm quyền.

Thiết lập và áp dụng cơ chế kiểm soát toàn bộ vòng đời dữ liệu đối với 100% cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống dữ liệu trọng yếu; bảo đảm mọi lịch sử xử lý, khai thác dữ liệu đều có thể truy xuất và cung cấp công cụ trực tuyến để người dân, tổ chức trực tiếp giám sát việc sử dụng dữ liệu của mình.

Mục tiêu đến năm 2045, 100% hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị và điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu; tối thiểu 90% quyết định, chính sách quan trọng được xây dựng, đánh giá và dự báo trên cơ sở phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp toàn trình trên môi trường điện tử; tối thiểu 90% dịch vụ công thiết yếu được cung cấp chủ động, tự động hoặc cá nhân hóa dựa trên dữ liệu; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt từ 99% trở lên.

Việt Nam làm chủ tối thiểu 80% nền tảng, công nghệ và sản phẩm cốt lõi phục vụ quản trị, lưu trữ, xử lý, phân tích và bảo vệ dữ liệu; có năng lực tự chủ về điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng AI, mô hình AI và an ninh dữ liệu.

Việt Nam thuộc nhóm 30 quốc gia dẫn đầu về năng lực quản trị, khai thác dữ liệu và phát triển trí tuệ nhân tạo; trở thành một trung tâm quan trọng trong khu vực về lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ và trung chuyển dữ liệu xuyên biên giới.

8 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

Để đạt được các mục tiêu trên, Chiến lược đưa ra 8 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm bao gồm:

- 1- Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách.
- 2- Phát triển hạ tầng và nền tảng dữ liệu quốc gia.
- 3- Phát triển dữ liệu.
- 4- Nhiệm vụ cụ thể về phát triển kinh tế dữ liệu và thị trường dữ liệu.
- 5- Nhiệm vụ cụ thể về phát triển nguồn nhân lực dữ liệu.

- Nhiệm vụ cụ thể về bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và chủ quyền dữ liệu.
- Ứng dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.
- Tăng cường hợp tác quốc tế về dữ liệu.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐẾN NĂM 2045, VIỆT NAM THUỘC NHÓM 30 NƯỚC DẪN ĐẦU THẾ GIỚI VỀ CHÍNH PHỦ SỐ

Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng đã ký Quyết định số 1266/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 (Chiến lược).

Theo Chiến lược, tầm nhìn đến năm 2045 Việt Nam trở thành quốc gia số phát triển, thịnh vượng, an toàn, nhân văn; chuyển đổi số được triển khai toàn diện, đồng bộ, sâu rộng và bao trùm, trở thành phương thức phát triển chủ đạo, động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, đồng thời là đối tượng thụ hưởng chính của quá trình chuyển đổi số.

Việt Nam có nền quản trị quốc gia hiện đại, dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI); làm chủ các công nghệ số, nền tảng số và sản phẩm số chiến lược; bảo đảm vững chắc chủ quyền số quốc gia.

Ba nhóm mục tiêu cụ thể của Chiến lược đến năm 2030

Nhóm mục tiêu về phát triển chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động: 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% bộ, ngành, địa phương sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công; 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu; 100% cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia, ngành, lĩnh vực, cấp tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI;

100% trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định; 100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định; 70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính; 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số; 100% cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số; 100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ; Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu trên thế giới về chính phủ điện tử/chính phủ số (theo báo cáo đánh giá của Liên hợp quốc).

Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế: Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP; hỗ trợ tối thiểu 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; phát triển, thúc đẩy và đưa vào sử dụng tối thiểu 5 sản phẩm, bảo đảm an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15-17%.

Phần đầu đạt 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước; giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GDP; trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ,” tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung.

Nhóm mục tiêu về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân: Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình; tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%; tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%; phần đầu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 10.000.000 lượt người trong độ tuổi lao động.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chiến lược đề ra các nhiệm vụ, giải pháp: Hoàn thiện thể chế số; phát triển hạ tầng số; phát triển dữ liệu số, nền tảng số dùng chung; phát triển nhân lực số; phát triển doanh nghiệp công nghệ số; tăng cường hợp tác quốc tế.

Đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa, làm sạch và tái sử dụng dữ liệu

Về phát triển dữ liệu số, nền tảng số dùng chung, Chiến lược xác định dữ liệu là tài nguyên chiến lược, nền tảng vận hành của chính phủ số, động lực của kinh tế số, nguồn lực phát triển xã hội số.

Thiết lập phương thức quản trị dữ liệu quốc gia thống nhất theo nguyên tắc dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung, được bảo vệ an toàn và khai thác hiệu quả.

Tập trung xây dựng, phát triển, hoàn thiện, kết nối liên thông và chia sẻ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu địa phương; hình thành cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia có tích hợp, sử dụng AI để phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Ưu tiên các dữ liệu nền tảng về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, y tế, giáo dục, lao động, an sinh xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, giao thông, tài nguyên và môi trường.

Đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa, làm sạch và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính. Bảo đảm dữ liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được chia sẻ, tái sử dụng theo quy định để đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Tiếp tục phát triển các nền tảng số dùng chung quốc gia có tích hợp, sử dụng AI để phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, phát triển kinh tế số và xã hội số.

Ưu tiên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; nền tảng định danh và xác thực; nền tảng thanh toán số; nền tảng bản đồ số; nền tảng điều hành, báo cáo, giám sát; nền tảng trợ lý số và AI dùng chung; nền tảng dữ liệu mở; nền tảng phục vụ y tế số, giáo dục số, thương mại số, logistics số, nông nghiệp số, du lịch số, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm.

Ưu tiên hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số “Make in Viet Nam”

Về phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trở thành lực lượng nòng cốt để tiếp thu, làm chủ, phát triển và ứng dụng công nghệ số, giải quyết các bài toán lớn của chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm tự chủ và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Doanh nghiệp công nghệ số phải là lực lượng chủ lực trong phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công nghiệp công nghệ số và đưa công nghệ số vào mọi ngành, lĩnh vực, địa bàn.

Ưu tiên hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số “Make in Viet Nam” có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, với nòng cốt là các doanh nghiệp phát triển nền tảng số, dữ liệu, AI, an toàn thông tin mạng, điện toán đám mây, bán dẫn, phần mềm, nội dung số và cung cấp giải pháp chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực.

Phát huy vai trò của Nhà nước là thị trường lớn và khách hàng quan trọng của doanh nghiệp công nghệ số. Nhà nước tạo không gian thử nghiệm và thị trường ban đầu cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong nước thông qua đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm công, thuê dịch vụ công nghệ số, thử nghiệm có kiểm soát và ưu tiên ứng dụng trong các bài toán lớn của quốc gia, nhất là dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu dùng chung, an toàn thông tin mạng, y tế số, giáo dục số, thanh toán số và quản trị số.

Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, phát triển sản phẩm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, bảo mật, thương mại hóa và mở rộng thị trường.

Khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao và các bộ, ngành, địa phương để hình thành chuỗi giá trị công nghệ số trong nước, tăng tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa trong sản phẩm, dịch vụ số.

Nguồn: vietnamplus.vn

CÔNG AN CẤP TỈNH TỔ CHỨC, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ BẢO VỆ CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP

Chính phủ ban hành Nghị định số 290/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 9/1/2013 của Chính phủ quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ do Công an cấp tỉnh tổ chức và cấp giấy chứng nhận

Nghị định số 290/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 06/2013/NĐ-CP quy định về huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ.

Theo quy định mới, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ do Công an cấp tỉnh hoặc cấp tương đương tổ chức và cấp giấy chứng nhận.

Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp được huấn luyện, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ bảo vệ, kỹ năng trong việc sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện thiết bị được trang bị và kỹ năng xử lý các tình huống phục vụ trực tiếp việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

Nghị định số 290/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung Điều 10 về nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp như sau:

1- Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ của lực lượng Công an để phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; kịp thời đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp biện pháp xử lý.

2- Trực tiếp kiểm soát người ra vào cơ quan, doanh nghiệp. Khi xảy ra các vụ việc có liên quan đến an ninh, trật tự và an toàn cơ quan, doanh nghiệp phải tổ chức bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, sơ cứu nạn nhân, bắt người phạm tội quả tang và báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất.

3- Thực hiện các quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự công cộng.

4- Làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong cơ quan, doanh nghiệp; xây dựng cơ quan, doanh nghiệp an toàn.

5- Phối hợp với Công an xã, phường, đặc khu và lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở nơi cơ quan, doanh nghiệp đóng trong công tác nắm tình hình, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ quan, doanh nghiệp; đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp xây dựng nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, kế hoạch, biện pháp phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong cơ quan, doanh nghiệp.

6- Thực hiện các quy định về quản lý vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại (nếu có); giúp người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp trong việc phối hợp với cơ quan Công an để quản lý, giáo dục người có tiền án, tiền sự, người chấp hành xong các biện pháp xử lý vi phạm hành chính khác đang làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp.

7- Phối hợp với các tổ chức quần chúng trong cơ quan, doanh nghiệp tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức cảnh giác cho mọi người; hướng dẫn các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn trong cơ quan, doanh nghiệp.

8- Thực hiện những nhiệm vụ cụ thể khác để bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp do người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao theo đúng quy định của pháp luật.

Quyền hạn của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

Đồng thời, Nghị định số 290/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung Điều 11 về quyền hạn của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp như sau:

1- Kiểm tra, đơn đốc các bộ phận, đơn vị và cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự và nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

2- Trong khi làm nhiệm vụ, được kiểm tra giấy tờ, hàng hóa, phương tiện ra vào cơ quan, doanh nghiệp nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.

3- Tiến hành công tác xác minh những vụ, việc xảy ra ở cơ quan, doanh nghiệp theo thẩm quyền mà người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao hoặc theo yêu cầu của cơ quan Công an có thẩm quyền.

4- Từ chối thực hiện các yêu cầu trái pháp luật trong khi thi hành nhiệm vụ bảo vệ và phải báo cáo cơ quan chức năng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Các quy định trên có hiệu lực từ ngày 15/9/2026.

Nguồn: baочinhphu.vn

QUY ĐỊNH MỚI THỦ TỤC CẤP, ĐỔI, CẤP LẠI VÀ THU HỒI THẺ NHÀ BÁO

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư 19/2026/TT-BVHTTDL quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo, thẩm quyền tổ chức, chương trình và yêu cầu của lớp bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí, đạo đức nghề nghiệp.

Thông tư này quy định chi tiết khoản 7 Điều 28 Luật Báo chí số 126/2025/QH15 về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo, thẩm quyền tổ chức, chương trình và yêu cầu của lớp bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí, đạo đức nghề nghiệp.

Theo Thông tư, người đứng đầu cơ quan, đơn vị đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ nhà báo chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp đối với các tài liệu, giấy tờ và nội dung thông tin xác nhận trong hồ sơ theo phạm vi thẩm quyền của cơ quan đó; bảo đảm các đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn, có hoạt động báo chí đúng với nội dung kê khai trong hồ sơ.

Người đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ nhà báo chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp đối với các tài liệu, giấy tờ và nội dung thông tin kê khai của mình trong hồ sơ.

Hồ sơ, thủ tục cấp thẻ nhà báo

Hồ sơ gồm có:

- Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo do người đề nghị cấp thẻ nhà báo kê khai (theo mẫu).

- Bản sao điện tử Bảng tốt nghiệp đại học trở lên hoặc bản sao điện tử Bảng tốt nghiệp cao đẳng trở lên đối với trường hợp là quay phim của cơ quan báo chí có loại hình truyền hình, người dân tộc thiểu số đang thực hiện các ấn phẩm báo chí in, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, chuyên trang của báo chí điện tử, kênh nội dung của cơ quan báo chí trên không gian mạng bằng tiếng dân tộc thiểu số.

Trường hợp cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cá nhân không phải nộp thành phần hồ sơ này.

- Bản sao điện tử Quyết định tuyển dụng/tiếp nhận/bổ nhiệm hoặc Hợp đồng lao động và tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thể hiện thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại cơ quan báo chí, cơ quan công tác hoặc thể hiện việc thanh toán, chi trả tiền lương/tiền công theo tháng để chứng minh thời gian công tác liên tục 02 năm trở lên tại cơ quan, đơn vị.

- Bản tổng hợp danh sách đề nghị cấp thẻ nhà báo (theo mẫu).

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét cấp thẻ nhà báo; trường hợp từ chối cấp thẻ nhà báo phải thông báo, nêu rõ lý do.

Hết thời hạn sử dụng thẻ nhà báo ghi trên thẻ, cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp đổi thẻ nhà báo theo quy định.

Thủ tục đổi thẻ nhà báo

Người đã được cấp thẻ nhà báo khi chuyển sang làm việc tại cơ quan, đơn vị công tác khác mà vẫn thuộc đối tượng được cấp thẻ nhà báo theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật số 126/2025/QH15 thì được đổi thẻ nhà báo về cơ quan mới.

Hồ sơ gồm có: Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí, cơ quan công tác mới của người đề nghị đổi thẻ nhà báo; bản sao điện tử Quyết định tiếp nhận công tác hoặc Hợp đồng lao động; văn bản của cơ quan trước khi chuyển công tác.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ chính thức, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét đổi thẻ nhà báo; trường hợp từ chối phải thông báo, nêu rõ lý do.

Thời hạn sử dụng của thẻ nhà báo được đổi tính theo thời hạn còn lại ghi trên thẻ đã cấp trước đó.

Hồ sơ, thủ tục cấp lại thẻ nhà báo

Người đã được cấp thẻ nhà báo khi bị mất, bị hỏng thẻ thì được cấp lại thẻ nhà báo.

Hồ sơ gồm có: Đơn của người đề nghị cấp lại thẻ nhà báo; trường hợp thẻ bị hỏng, người được cấp thẻ phải nộp lại thẻ khi đề nghị cấp lại thẻ, gửi thẻ hỏng về các cơ quan được quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét cấp lại thẻ nhà báo; trường hợp từ chối phải thông báo, nêu rõ lý do.

Thời hạn sử dụng của thẻ nhà báo được cấp lại tính theo thời hạn còn lại ghi trên thẻ đã cấp trước đó.

Thu hồi thẻ nhà báo

Đối với các trường hợp bị thu hồi thẻ nhà báo quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật số 126/2025/QH15, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quyết định thu hồi thẻ nhà báo.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thu hồi thẻ nhà báo, người đứng đầu cơ quan của người bị thu hồi thẻ nhà báo có trách nhiệm thu lại thẻ nhà báo của người bị thu hồi thẻ nhà báo nộp về các cơ quan.

Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật số 126/2025/QH15, các cơ quan thực hiện việc trả thẻ nhà báo trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho cơ quan có người bị thu hồi thẻ nhà báo chậm nhất là 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính, gồm: Văn bản đề nghị trả lại thẻ nhà báo của cơ quan của người bị thu hồi thẻ nhà báo; văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với nhà báo đã bị thu hồi thẻ hoặc bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên nhà báo đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

Nguồn: baochinhphu.vn

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2035

Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng - Chủ tịch Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam ký Quyết định số 04/QĐ-HĐĐHTTTC ngày 22/7/2026 phê duyệt Kế hoạch phát triển Trung tâm này đến năm 2035 (Kế hoạch).

Mục tiêu của Kế hoạch nhằm xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế trở thành động lực quan trọng trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính trong nước và quốc tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả nền kinh tế; đồng thời từng bước nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trong mạng lưới tài chính khu vực và toàn cầu.

Hoàn thiện đồng bộ thể chế đặc thù, mô hình, cơ chế Trung tâm tài chính quốc tế

Mục tiêu **giai đoạn 2026 - 2030**: Hoàn thiện đồng bộ khung thể chế pháp lý đặc thù, mô hình, cơ chế quản trị, điều hành và giám sát Trung tâm tài chính quốc tế theo hướng tiệm cận

chuẩn mực quốc tế, bảo đảm minh bạch, an toàn và hiệu quả; triển khai thí điểm và vận hành giai đoạn đầu các sản phẩm, dịch vụ tài chính ưu tiên.

Hình thành và đưa vào vận hành hạ tầng tài chính, hạ tầng số, hạ tầng xã hội và hạ tầng pháp lý cốt lõi phục vụ hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế.

Thu hút các tổ chức, định chế tài chính, quỹ đầu tư, ngân hàng quốc tế lớn, các chủ thể thị trường chuyên nghiệp và nguồn nhân lực tài chính chất lượng cao; tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và hội nhập của Trung tâm tài chính quốc tế trong các giai đoạn tiếp theo.

Việt Nam phấn đấu nằm trong nhóm 75 Trung tâm tài chính hàng đầu thế giới

Phấn đấu trong **giai đoạn 2031 - 2035**, mở rộng và hoàn thiện hệ sinh thái tài chính hiện đại, bao gồm thị trường vốn, tài chính xanh, tài chính số, tài chính ứng dụng công nghệ (fintech), nâng cao mức độ đa dạng, chiều sâu và khả năng liên thông của Trung tâm tài chính quốc tế.

Phát triển trở thành Trung tâm tài chính có vai trò đầu mối kết nối dòng vốn và vị thế rõ nét trong mạng lưới tài chính châu Á - Thái Bình Dương và toàn cầu. Phấn đấu nằm trong nhóm 75 Trung tâm tài chính hàng đầu thế giới, nhóm 25 Trung tâm tài chính khu vực châu Á - Thái Bình Dương và thứ 3 trong khu vực ASEAN theo Chỉ số Trung tâm tài chính Toàn cầu (GFCI) hoặc bộ chỉ số quốc tế tương đương (bản công bố định kỳ), góp phần nâng cao năng lực huy động và phân bổ nguồn lực tài chính cho nền kinh tế, đóng góp vào mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Về định hướng phát triển, Kế hoạch nêu rõ: Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh định hướng phát triển trở thành Trung tâm tài chính quốc tế có hệ sinh thái tài chính toàn diện và đa dạng, tập trung vào: (1) phát triển thị trường vốn, cung cấp các dịch vụ tài chính truyền thống và chuyên sâu, khai thác tác động cộng hưởng, tương hỗ của các dịch vụ tài chính như huy động vốn, đầu tư, thanh toán, phát hành và giao dịch sản phẩm tài chính; (2) quản lý tài sản, quản lý quỹ, tài chính xanh và tài chính số; (3) thị trường hàng hoá và các sản phẩm phái sinh hàng hoá gắn với thương mại và logistics quốc tế.

Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng định hướng phát triển trở thành Trung tâm tài chính quốc tế đổi mới sáng tạo và công nghệ tài chính, tập trung vào: (1) tài sản số, thanh toán số, mã hoá tài sản; (2) hình thành và vận hành các nền tảng, sàn giao dịch chuyên biệt; (3) dịch vụ tài chính gắn với đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, tài chính thương mại, tài trợ chuỗi cung ứng và tài chính bền vững; (4) thử nghiệm có kiểm soát các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh trong lĩnh vực tài chính.

Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi cho nhà đầu tư

Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế định hướng phát triển Trung tâm tài chính quốc tế thống nhất về thể chế, quản trị và tiêu chuẩn giám sát; phát huy lợi thế so sánh của mỗi địa phương, tăng cường tính liên kết, hỗ trợ; bảo đảm phát triển đồng bộ giữa thể chế, thị trường, hạ tầng và nguồn nhân lực. Trong đó, tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, khung pháp lý đặc thù, vượt trội, có tính cạnh tranh quốc tế cao; mở rộng không gian thể chế cho các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh

mới trong lĩnh vực tài chính; bảo đảm đồng bộ, minh bạch, ổn định, phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam; có cơ chế giải quyết tranh chấp được công nhận và thi hành phán quyết quốc tế để tạo niềm tin cho nhà đầu tư. Thực hiện rà soát, cập nhật và hoàn thiện chính sách theo lộ trình phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế, bảo đảm tính ổn định, nhất quán nhưng đủ linh hoạt để thích ứng với sự phát triển của thị trường và các mô hình kinh doanh mới.

Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi cạnh tranh, điều kiện tiếp cận hạ tầng phục vụ Trung tâm tài chính quốc tế; chuẩn hóa, số hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao chất lượng dịch vụ công, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho nhà đầu tư và thành viên Trung tâm tài chính quốc tế.

Đồng thời, hoàn thiện mô hình quản trị, điều hành và giám sát Trung tâm tài chính quốc tế theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phân cấp rõ ràng, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương. Hoàn thiện cơ chế, quy trình giám sát, kết hợp giám sát vĩ mô và vi mô; tăng cường trách nhiệm giải trình, chế độ báo cáo định kỳ và đánh giá giữa kỳ; bảo đảm kiểm soát rủi ro, vận hành an toàn, minh bạch.

Phát triển hệ sinh thái thị trường tài chính; nguồn nhân lực chất lượng cao

Phát triển hệ sinh thái thị trường tài chính, thị trường hàng hoá đa dạng, có chiều sâu, lấy chất lượng, hiệu quả và khả năng hội nhập quốc tế làm tiêu chí chủ yếu. Ưu tiên thu hút có chọn lọc các định chế tài chính có vai trò dẫn dắt, các tổ chức trung gian và quỹ đầu tư lớn của khu vực và thế giới vào các phân khúc thị trường và sản phẩm tài chính cốt lõi, chủ lực. Liên kết giữa tài chính - công nghệ - dữ liệu - đổi mới sáng tạo; từng bước đưa Trung tâm tài chính quốc tế tham gia sâu vào chuỗi giá trị tài chính toàn cầu.

Bên cạnh đó, phát triển đồng bộ hạ tầng tài chính, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị chất lượng cao, bảo đảm khả năng kết nối trong nước và quốc tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động liên tục, an toàn, thông suốt của Trung tâm tài chính quốc tế.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Trung tâm tài chính quốc tế; có cơ chế, chính sách đặc thù về thị thực, cư trú, đãi ngộ để thu hút chuyên gia tài chính, công nghệ, pháp lý quốc tế; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạch định, quản trị rủi ro và hội nhập quốc tế của đội ngũ cán bộ quản lý; phát triển, liên kết hệ sinh thái đào tạo, nghiên cứu, thực hành gắn với nhu cầu thực tiễn.

Ngoài ra, xây dựng thương hiệu và thúc đẩy hội nhập quốc tế; đồng thời, chủ động hợp tác với các trung tâm tài chính quốc tế, tổ chức tài chính, cơ quan quản lý và các tổ chức thiết lập tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận thông lệ quốc tế, tăng cường kết nối thị trường và nâng cao vị thế của Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Đồng chí Nguyễn Khắc Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy, thôi giữ chức Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế và các chức danh liên quan; điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy, giữ chức Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Đà Nẵng nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đồng chí Nguyễn Hoàng Giang, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thôi giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và các chức danh liên quan; điều động, phân công, bổ nhiệm giữ chức Phó Trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.

- Đồng chí Hồ Thị Hoàng Yến, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thôi giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long và các chức danh liên quan; điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Tây Ninh nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thôi giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh và các chức danh liên quan; điều động, phân công, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đồng chí Nguyễn Thanh Nhân, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thôi giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang và các chức danh liên quan; điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 20/7/2026, điều động đồng chí Nguyễn Tiến Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy An Giang về công tác tại Bộ Nội vụ, giao quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Quyết định số 1312/QĐ-TTg ngày 19/7/2026, điều động, bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Hoài Anh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ chức Thứ trưởng Thường trực Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

*** Thành phố Đà Nẵng**

- Giao quyền Giám đốc Báo và Phát thanh, Truyền hình Đà Nẵng đối với ông Mai Văn Tư, Thành ủy viên, Phó Giám đốc Báo và Phát thanh, Truyền hình Đà Nẵng cho đến khi kiện toàn chức danh Giám đốc.

- Điều động ông Nguyễn Hữu Vũ, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã Hà Nha nhiệm kỳ 2026 - 2031 đến nhận công tác tại Văn phòng Thành ủy và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Thành ủy.

- Điều động ông Nguyễn Thành Thuận, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 đến công tác tại Đảng ủy xã Hà Nha; đồng thời chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy xã Hà Nha nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Điều động ông Nguyễn Hà Nam, Giám đốc Sở Xây dựng đến nhận công tác tại Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy để giới thiệu bầu giữ chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Tiếp nhận ông Lê Thành Hưng, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng vào làm công chức và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Xây dựng trong thời hạn 5 năm.

- Điều động ông Nguyễn Minh Huy, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đến nhận công tác tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng trong thời hạn 5 năm.

*** Tỉnh Đồng Tháp**

- Điều động bà Phạm Thị Ngọc Đào - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Mỹ Thọ đến công tác tại Ủy ban Nhân dân tỉnh và được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ.

- Điều động ông Ngô Huỳnh Quang Thái - Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Mỹ Tho đến công tác tại Ủy ban nhân dân tỉnh và được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn